

**NÂNG CAO NHẬN THỨC SỬ DỤNG
NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM TRONG
NGÀNH CÔNG NGHIỆP, XÂY DỰNG** Tr.10

**NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRONG
PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN XANH** Tr.14

**VIETWATER 2018:
NĂNG LƯỢNG TỪ CHẤT THẢI RẮN
CHƯA ĐƯỢC KHAI THÁC ĐÚNG MỨC** Tr.18

**PV GAS KÝ KẾT Ý ĐỊNH THƯ
VỀ VIỆC HỢP TÁC CUNG CẤP LNG
TỪ DỰ ÁN ALASKA LNG** Tr.22

**Tr.46 KẾT NỐI THÀNH PHỐ THÔNG MINH
KHU VỰC ASEAN**

**Tr.56 ƯỚC TÍNH CÔNG SUẤT NGUỒN ĐIỆN NLTT CẦN
XÂY DỰNG ĐỂ THỰC HIỆN CAM KẾT CẮT GIẢM
KHÍ NHÀ KÍNH CỦA VIỆT NAM TẠI COP21**

Tr.60 MÁI NHÀ CỔ HÀ NỘI

TR.52
VIỆT NAM
nói không với
**TÚI NILON,
CHAI NHỰA**

Số: 26

THÁNG 11.2018



MỤC TIÊU NPC

Thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu chủ yếu được EVN giao trong quyết định phê duyệt Đề án Nâng cao hiệu quả SXKD và năng suất lao động giai đoạn 2016-2020 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc tại quyết định số 177/QĐ-EVN ngày 02/10/2015 với 5 nhóm: Tài chính; Kinh doanh – Dịch vụ khách hàng; Quản lý kỹ thuật – vận hành; Đầu tư xây dựng và Quản trị - Tổ chức với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- i) Đảm bảo cung cấp điện với mức tăng trưởng bình quân 11,8%/năm.
- ii) Giảm tỷ lệ điện dùng cho truyền tải và phân phối: đến 2020 xuống 5%.
- iii) Năng suất lao động: tăng bình quân hàng năm 14,1%; Sản lượng điện thương phẩm bình quân đạt 3,35 triệu kWh/CBCNV vào năm 2020. Năng suất lao động theo khách hàng sử dụng điện ≥ 470 khách hàng/nhân viên.
- iv) Độ tin cậy cung cấp điện: đến năm 2020, thời gian mất điện bình quân của một khách hàng trong năm (chỉ số SAIDI) giảm xuống 511 phút. Suất sự cố lưới điện 110 kV đến năm 2020 giảm 50-70% so với năm 2015.
- v) Thời gian tiếp cận điện năng: từ 2016, thủ tục của Điện lực giảm xuống 10 ngày. Chất lượng dịch vụ: nâng mức thoả mãn khách hàng năm sau cao hơn năm trước, đến 2020 Tổng công ty đạt điểm từ 8/10 trở lên (tất cả các đơn vị có điểm đánh giá sự hài lòng khách hàng đạt trên 7/10 điểm). Tỷ lệ thu tiền điện đạt 99,7%.
- vi) Đến năm 2020 lưới điện 110 kV EVNNPC đảm bảo tiêu chuẩn n-1; chuyển 50 trạm 110 kV sang không người trực và 60 trạm 110 kV bán người trực; 100% TBA 110 kV xây dựng mới giai đoạn 2016-2020 đáp ứng tiêu chí vận hành không người trực.
- vii) Đảm bảo lưới điện vận hành ở điều kiện bình thường không vượt quá 75% tải định mức các MBA và 50% tải định mức của các đường dây; không để xảy ra tình trạng non tải và quá tải kéo dài.
- viii) Đến năm 2020 hoàn thành 100% các Công ty Điện lực tỉnh đều có hệ thống SCADA.
- ix) EVNNPC đảm bảo hoạt động SXKD có lãi đạt và vượt kế hoạch EVN giao với Hệ số bảo toàn vốn ≥ 1 ; Khả năng thanh toán ngắn hạn ≥ 1 ; Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) $> 1,0\%$; Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu ≤ 3 lần.
- x) Đầu tư lưới điện: Đảm bảo tiến độ các dự án cấp bách, huy động đủ vốn đáp ứng nhu cầu đầu tư giai đoạn 2016-2020 trên 100.000 tỷ đồng.
- xi) Hoàn thành các dự án trong Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi, hải đảo giai đoạn 2013-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 2081/QĐ-TTg ngày 8/11/2013, đảm bảo trên 99% hộ dân nông thôn có điện vào năm 2020.

Năm 2016, EVNNPC tập trung mọi nỗ lực cung cấp điện an toàn - ổn định, hoàn thành tốt các nhiệm vụ kế hoạch EVN giao. Thực hiện chủ đề năm 2016 của EVN là "Nâng cao năng lực quản trị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam". Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động, tăng thu nhập bình quân cho người lao động với tốc độ cao hơn lạm phát. Tối ưu hóa chi phí, đổi mới công nghệ, tăng cường năng lực và khả năng tự cân đối tài chính trong từng đơn vị. Đổi mới quản lý, đáp ứng lộ trình phát triển thị trường điện. Tiếp tục cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính để nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng theo phương châm 3 để " để tiếp cận - để tham gia - để giám sát".



Mục lục

Số trang

- 6 ASEAN đẩy mạnh phát triển NLTT, đạt 23% vào năm 2030
- 8 Đẩy mạnh các quan hệ hợp tác quốc tế, nâng cao vị thế EVNNPT
- 10 Nâng cao nhận thức sử dụng năng lượng tiết kiệm trong ngành công nghiệp, xây dựng
- 12 Hỗ trợ hành động giảm nhẹ biến đổi khí hậu phù hợp với điều kiện quốc gia
- 14 Năng lượng tái tạo trong phát triển kinh tế biển xanh
- 18 VietWater 2018: Năng lượng từ chất thải rắn chưa được khai thác đúng mức
- 22 PV Gas ký kết Ý định thư về việc hợp tác cung cấp LNG từ dự án Alaska LNG
- 26 Kỷ niệm 30 năm vận hành Thủy điện Hòa Bình cán mốc 228 tỷ kWh

Kính biểu



30

Đổi mới công tác kinh doanh gắn với bản sắc văn hóa EVNNPC

VCEA NĂNG LƯỢNG SẠCH Việt Nam

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA HIỆP HỘI NĂNG LƯỢNG SẠCH VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

Chủ tịch VCEA
Tạ Văn Hường

Gs.Ts.Vs. Trần Đình Long
PGs.Ts. Bùi Huy Phùng
PGs.Ts. Đặng Đình Thống
Nhà báo Nguyễn Anh Dũng
TS. Phạm Gia Yên

Chủ tịch Hội đồng Khoa học VCEA
Ts. Nguyễn Mạnh Hiến

PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC HIỆP HỘI TỔNG BIÊN TẬP

Ts. Mai Duy Thiện

THƯ KÝ BIÊN TẬP

Đặng Thái

THIẾT KẾ

Thế Công

TÒA SOẠN TRỊ SỰ

Số 09, Hoa Sữa 07,
Khu đô thị Vinhomes Riverside,
Long Biên, Hà Nội
Điện thoại: 04 22188088
Email: tapchinlsvn@gmail.com

ẢNH BÌA:

Nguồn: Trọng Vinh

ẢNH TRANG TRONG:

Đặng Thái, CTV

GPXB số 424/GP-BTTTT
Do Bộ Thông tin và Truyền
thông cấp ngày 25/8/2016

In tại Công ty
CP-TK CB điện tử & in Công nghệ cao



43



40



45



Số trang

- 34 Xây dựng kịch bản tiết kiệm năng lượng cho ngành thủy sản và gỗ Việt
- 40 6 Tập đoàn Bộ Công Thương chuyển sang UB Quản lý vốn NN tại DN
- 44 Công trình xanh cần ưu tiên trong phát triển thành phố thông minh
- 46 Kết nối thành phố thông minh khu vực ASEAN
- 48 Người Hà Nội uống nước lọc từ không khí
- 56 Ước tính công suất nguồn điện NLTT cần xây dựng để thực hiện cam kết cắt giảm khí nhà kính của Việt Nam tại COP21

Australia sắp có máy bay điện vận chuyển khách thương mại đầu tiên thế giới



54

Mái nhà cổ Hà Nội



60

Thư tòa soạn

Bạn đọc thân mến!

Thủ tướng Chính phủ vừa phê duyệt Định hướng thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài giai đoạn 2018-2020, tầm nhìn 2021-2025. Theo đó, ưu tiên sử dụng cho các dự án có hiệu quả kinh tế-xã hội, trực tiếp thúc đẩy tăng trưởng gắn với phát triển bền vững, nhất là các dự án có khả năng tạo nguồn thu ngoại tệ trong trung và dài hạn để tăng cường năng lực trả nợ của quốc gia như năng lượng sạch, năng lượng tái tạo...

Nghiên cứu áp dụng cơ chế để doanh nghiệp vay nguồn vốn của Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ khác không cần bảo lãnh của Chính phủ để triển khai các chương trình, dự án lĩnh vực năng lượng tái tạo, ứng phó biến đổi khí hậu.

Bên cạnh đó, mới đây Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) vừa quyết định dành gói tín dụng lên đến 7.000 tỷ đồng tài trợ cho các dự án điện mặt trời nổi lưới thuộc quy hoạch phát triển điện lực quốc gia. Trong đó chủ đầu tư sẽ được tài trợ vốn đến 70% tổng mức đầu tư và nhà thầu tham gia xây dựng dự án được tài trợ trọn gói đến 85% giá trị hợp đồng với tài sản.

Tạp chí Năng lượng Sạch Việt Nam hy vọng với những ưu đãi mới liên quan tới nguồn vốn tài chính cho các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo của Chính phủ, của các Ngân hàng sẽ thúc đẩy lĩnh vực này phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới.

Trân trọng!

BAN BIÊN TẬP



52

VIỆT NAM NÓI KHÔNG VỚI TÚI NILON, CHAI NHỰA

ASEAN đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo, đạt 23% vào năm 2030

Các nước trong khu vực ASEAN vừa chính thức ký biên bản ghi nhớ với IRENA về phát triển năng lượng tái tạo đồng thời thông qua Chương trình hành động thực hiện biên bản ghi nhớ này, tạo điều kiện hỗ trợ ASEAN sớm đạt được mục tiêu tăng tỷ lệ năng lượng tái tạo lên mức 23% vào năm 2030.

NAM THANH



Đầu tư lĩnh vực năng lượng tăng 60%

Tại Hội nghị Bộ trưởng Năng lượng các nước ASEAN lần thứ 36 và các hội nghị liên quan tổ chức tại Singapore mới đây, Bộ trưởng Bộ Công Thương Singapore Chan Chun Sing nhấn mạnh mục tiêu đặt ra của các nước ASEAN là bảo đảm việc tiếp cận năng lượng giá cả phải chăng, bền vững và đáng tin cậy cho tất cả mọi người. Điều này là một thách thức không nhỏ khi mà ASEAN là một khu vực đang phát triển đầy sôi động và được dự báo là nền kinh tế lớn thứ tư trên thế giới vào năm 2030; trong đó năng lượng là rất cần thiết cho nhiều lĩnh vực và góp phần quan trọng để duy trì tăng trưởng kinh tế và cải thiện cuộc sống.

Hiện tại, mặc dù đầu tư cho lĩnh vực năng lượng ở khu vực đã tăng khoảng 60% trong vòng 15 năm qua, song theo dự báo của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), nhu cầu này sẽ tiếp tục tăng mạnh vào năm 2040. Các giải pháp sáng tạo cũng được cho là vô cùng cần thiết để cung cấp năng lượng trên toàn khu vực, bởi thống kê cho thấy khoảng 65 triệu người ở Đông Nam Á hiện vẫn chưa được sử dụng điện.

Chính vì vậy, Bộ trưởng Chan Chun Sing cho rằng, bên cạnh sự nỗ lực của từng quốc gia thì việc tăng cường hợp tác nội khối cũng như với các đối tác đối thoại, các tổ chức quốc tế như IEA và Cơ quan Năng lượng Tái tạo Quốc tế (IRENA) về đầu tư năng lượng và tài chính cơ sở hạ tầng sẽ hỗ trợ nhu cầu năng lượng ngày càng tăng của khu vực và làm cho ASEAN trở thành một thị trường hấp dẫn trong mắt các nhà đầu tư.

Thứ trưởng Bộ Công Thương Đặng Hoàng An cho biết, Việt Nam sẵn sàng hợp tác với các tổ chức quốc tế để chia sẻ kinh nghiệm trong việc hoạch định chính sách và ban hành các quyết định thúc đẩy việc sử dụng năng lượng tái tạo hơn nữa đồng thời hội nhập sâu, rộng vào hệ thống liên kết năng lượng của khu vực với mục tiêu vì một ASEAN xanh hơn, sử dụng năng lượng thông minh và hiệu quả hơn.

ASEAN đã hoàn thành vượt mục tiêu, giảm cường độ năng lượng 21,9% vào năm 2016, trước thời hạn đặt ra là giảm 20% vào năm 2020. ASEAN đã có bước đi đầu tiên trong kết nối năng lượng với dự án kết nối lưới điện Lào - Thái Lan - Malaysia - Singapore bắt đầu triển khai giai đoạn 1 hay dự án

liên kết đường ống khí ASEAN qua 6 quốc gia đã kết nối được trên 3.600 km.

Tăng cường hợp tác năng lượng tái tạo

Tại Hội nghị, các thành viên ASEAN nhất trí tăng thêm các dự án kết nối lưới điện để giúp tăng gấp đôi công suất trao đổi điện ở mức hiện tại từ 5.200 MW lên 10.800 MW vào năm 2020 và tăng lên hơn 16.000 MW sau năm 2020.

Các nước ASEAN cũng chính thức ký biên bản ghi nhớ với IRENA về phát triển năng lượng tái tạo đồng thời thông qua Chương trình hành động thực hiện biên bản ghi nhớ này, tạo điều kiện hỗ trợ ASEAN sớm đạt được mục tiêu tăng tỷ lệ năng lượng tái tạo lên mức 23% vào năm 2030.



Bên cạnh đó, các Bộ trưởng cũng thống nhất tăng cường hợp tác năng lượng với các đối tác bao gồm các quốc gia và các tổ chức năng lượng quốc tế để ASEAN có được sự bảo đảm về an ninh năng lượng, đáp ứng đủ nhu cầu năng lượng cho người dân cũng như chuyển dịch năng lượng hướng tới sử dụng các nguồn năng lượng sạch hơn trong khu vực.

Các Bộ trưởng ghi nhận những kết quả nổi bật trong hợp tác năng lượng ASEAN, như cường độ năng lượng khu vực năm 2016 đã giảm 21,9% so với năm 2005, vượt mục tiêu ban đầu của ASEAN là giảm 20% vào năm 2020 và 30% vào năm 2030. Tỷ lệ năng lượng tái tạo đạt mức 12,4% trong tổng cơ cấu các nguồn năng lượng của ASEAN. Liên kết đường ống dẫn khí ASEAN đạt tổng chiều dài đường ống kết nối 6 quốc gia (Myanmar, Thái Lan, Malaysia, Singapore, Indonesia và Việt Nam) là 3.673 km và trong khu vực đã có 8 trung tâm khí hóa LNG với tổng công suất là 36,3 triệu tấn/năm...

Hội nghị Bộ trưởng Năng lượng ASEAN lần thứ 36 có sự tham gia của các Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách năng lượng của 10 nước thành viên ASEAN, các nước đối tác trong khuôn khổ hợp tác năng lượng ASEAN+3 và các nước Đông Á vì mục tiêu sử dụng hiệu quả và an ninh năng lượng.

Hội nghị năm nay có chủ đề "Chuyển hóa năng lượng: Đầu tư, Đổi mới, Hội nhập". Hội nghị diễn ra trong bối cảnh 10 nước thành viên ASEAN đang ở giữa tiến trình triển khai kế hoạch hành động hợp tác năng lượng ASEAN 2016-2025 với một số kết quả được ghi nhận.

Đẩy mạnh các quan hệ hợp tác quốc tế, nâng cao vị thế của EVNNPT

Để đáp ứng được mục tiêu xây dựng một hệ thống truyền tải điện hiện đại, thông minh, xây dựng được đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, hiện đại cùng với kỹ năng quản trị tiên tiến thì công tác quan hệ quốc tế rất quan trọng. Hoạt động này còn góp phần nâng cao vị thế của Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia (EVNNPT) trong khu vực và trên thế giới.



MẠNH PHÚC

Hiện tại, EVNNPT đã thiết lập được mối quan hệ với các tổ chức tài chính thế giới như WB, ADB, JICA, AFD... để thu xếp được nguồn vốn ODA ưu đãi, nguồn vốn song phương và tín dụng thương mại cho nhiều dự án đầu tư phát triển lưới điện truyền tải quan trọng. EVNNPT cũng đã tham gia vào Diễn đàn HAPUA, nhóm công tác Truyền tải/ Liên kết lưới ASEAN, đầu nối với một số lưới điện nước láng giềng như Lào, Campuchia... Đồng thời, Tổng công ty thiết lập được mối quan hệ chặt chẽ với nhiều tổ chức quốc tế, tổ chức tài chính, ngân hàng, đại sứ quán các nước...

Tuy nhiên, bên cạnh đó, hoạt động hợp tác quốc tế của EVNNPT còn nhiều hạn chế cần khắc phục như: cơ cấu tổ chức ngành dọc quan hệ quốc tế của Tổng công ty còn chưa được kiện toàn, lực lượng làm công tác quan hệ quốc tế còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng. Hoạt động quan hệ quốc tế vẫn thiếu định

hướng, chiến lược tổng thể lâu dài. Các hoạt động hợp tác quốc tế chủ yếu hiện nay là thu xếp các nguồn vốn ODA và quản lý các dự án dùng vốn vay ODA. Các đối tác cho vay quốc tế chủ yếu được kế thừa từ các đối tác truyền thống của EVN, chưa tìm kiếm và phát triển quan hệ với các đối tác tiềm năng khác.

Với sứ mệnh và các mục tiêu chiến lược đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2040, EVNNPT xác định chiến lược quan hệ quốc tế có tầm nhìn: "Trở thành một bộ phận chuyên nghiệp, hiệu quả, hoạt động trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam và đến năm 2040 có thể cung cấp các dịch vụ thuộc lĩnh vực quan hệ quốc tế ra bên ngoài EVNNPT". Với tầm nhìn đó, Tổng công ty cũng nhận thức phải: "Nâng cao hiệu quả hoạt động, xây dựng tính chuyên nghiệp, thực hiện đổi mới và đa dạng hóa công tác quan hệ quốc tế phục vụ cho sứ mệnh chung của EVNNPT". Có thể nói, hoạt động hợp tác quốc tế chính là cánh cửa kết nối

EVNNPT với thế giới, tăng cường hợp tác khu vực và quốc tế.

EVNNPT sẽ chủ động tổ chức các đoàn công tác đi học tập, chia sẻ kinh nghiệm, tìm hiểu thông tin, tham quan học tập thực tế; tích cực tìm hiểu thông tin thông qua các đại sứ quán, các tổ chức tín dụng quốc tế đang cho EVNNPT vay vốn, các ngân hàng thương mại trong nước đã là đối tác của EVNNPT, các nhà cung cấp vật tư thiết bị điện, tư vấn nước ngoài; thường niên tổ chức hội nghị nhà tài trợ và các đối tác làm việc nước ngoài, tham gia các buổi gặp gỡ, tiếp xúc xã giao, các buổi làm việc với các tổ chức này; tìm kiếm các nguồn thông tin trên mạng internet, báo chí, diễn đàn, hội nghị, hội thảo... Tổng công ty cũng cần chủ động tiếp cận để tìm kiếm cơ hội hợp tác sâu hơn với các đơn vị truyền tải điện khu vực ASEAN thông qua kênh hợp tác HAPUA đã được EVN/EVNNPT xây dựng; tích cực tổ chức và tham gia các diễn đàn, hội thảo chuyên đề kỹ thuật để học tập

kinh nghiệm thực tế, cập nhật các công nghệ, giải pháp tiên tiến, hiện đại ứng dụng trên lưới truyền tải điện Việt Nam theo kịp xu thế hiện đại hóa hệ thống truyền tải điện...

Bên cạnh đó, Tổng công ty sẽ đẩy mạnh hợp tác đầu nối lưới truyền tải với các nước láng giềng, đặc biệt là những nước thuộc khu vực Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS) thông qua nhiều chương trình hợp tác đa phương và song phương với mục tiêu tham gia xây dựng khuôn khổ kỹ thuật, thương mại cho việc trao đổi điện năng giữa các nước GMS. Những giải pháp cụ thể được đề ra là: duy trì tiến tới hợp tác sâu rộng hơn với các nước khu vực GMS thông qua các liên kết lưới hiện có; duy trì liên kết lưới điện với Campuchia qua tuyến đường dây 220kV hiện có; nghiên cứu khả năng tăng cường liên kết lưới điện giữa Việt Nam với Campuchia thông qua các chương trình hợp tác đa phương và song phương; duy trì liên kết mua bán điện giữa Việt Nam và Trung Quốc qua các cấp điện

áp 220kV, 110kV hiện có; tiếp tục nghiên cứu khả năng trao đổi điện năng với Trung Quốc qua lưới điện liên kết với cấp điện áp 500kV.

Việc duy trì và phát triển quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế phải được thực hiện xuyên suốt trong thời gian tới với trọng tâm của từng giai đoạn cụ thể. Theo đó, đến năm 2020, EVNNPT đặt mục tiêu thiết lập mối quan hệ hợp tác mới với các đối tác truyền tải điện; duy trì và tăng cường mối quan hệ sẵn có với các tổ chức truyền tải điện trong khu vực, đặc biệt là trong GMS. Và đến năm 2025, Tổng công ty xác định mục tiêu đẩy mạnh đầu nối lưới khu vực; hợp tác chiến lược với các đối tác quốc tế có ưu thế về công nghệ và tương đồng về hệ thống với EVNNPT.

Trong bối cảnh hiện nay, truyền thông quốc tế là một trong những yếu tố then chốt giúp xây dựng và quảng bá hình ảnh, nâng cao vị thế của EVNNPT khi tham gia hoạt động trong thị trường quốc tế. Nội dung cần truyền thông là: tầm nhìn, sứ mệnh, chiến lược, các hoạt động của

EVNNPT, kế hoạch đầu tư cho 5 năm và từng năm, trách nhiệm xã hội của EVNNPT khi thực hiện đầu tư, việc tuân thủ các chính sách môi trường xã hội của nhà tài trợ và của chính phủ Việt Nam.

EVNNPT xác định triển khai một số biện pháp cụ thể: tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quảng bá hình ảnh EVNNPT trên các phương tiện thông tin đại chúng qua các kênh: website nội bộ trong nước và các website quốc tế; cập nhật thông tin qua báo chí; làm phim tài liệu; tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo, triển lãm quốc tế, giao lưu với các đơn vị truyền tải trong khu vực có mời báo chí; đưa nhà tài trợ đến thăm dự án; tổ chức các buổi hội thảo khởi động dự án; ký các biên bản ghi nhớ hợp tác; chú trọng đào tạo chuyên nghiệp về truyền thông: phòng vấn; đào tạo kỹ năng thuyết trình và trả lời báo chí cho lãnh đạo; tham gia tọa đàm, panel; chú trọng công tác phát hành các ấn phẩm theo định kỳ...



Nâng cao nhận thức sử dụng năng lượng tiết kiệm trong ngành công nghiệp, xây dựng

Theo Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững, Bộ Công Thương, “Chương trình năng lượng phát thải thấp Việt Nam” (Dự án V-LEEP) đang triển khai hợp phần 3 với mục tiêu tăng cường năng lực thực hiện chính sách sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các ngành sử dụng nhiều năng lượng, bao gồm các ngành công nghiệp, xây dựng của Việt Nam.

■ LINH GIANG

Theo dự báo, phát thải khí nhà kính của Việt Nam sẽ tăng 2,7 lần và 4,6 lần vào các năm 2020 và 2030 so với mức phát thải năm 2010. Một trong số các biện pháp chủ yếu nhằm giảm phát thải khí nhà kính trong ngành năng lượng là thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Đại diện Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững cho rằng, hiện tại nhận thức của

cộng đồng và doanh nghiệp còn hạn chế; công tác quản lý các cơ sở sử dụng năng lượng tại địa phương còn yếu, sự phối hợp giữa các đơn vị quản lý nhà nước tại địa phương còn chưa chặt chẽ; cơ chế khuyến khích, hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư thay thế dây truyền công nghệ lạc hậu bằng dây truyền công nghệ hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng còn thiếu dẫn đến các doanh nghiệp không không tiếp cận

được những khoản vay tín dụng ưu đãi cho các dự án tiết kiệm năng lượng...

Nhằm hỗ trợ cho Chính phủ thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển ngành năng lượng phát thải thấp ở Việt Nam thông qua hỗ trợ xây dựng chính sách, cơ chế khuyến khích phát triển phát thải thấp trong lĩnh vực năng lượng, đồng thời thu hút đầu tư công - tư trong phát triển năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng hiệu quả, Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) đã tài trợ cho Bộ Công Thương thực hiện dự án “Chương trình năng lượng phát thải thấp Việt Nam” (Dự án V-LEEP) từ năm 2016 đến hết năm 2020. Trong số các mục tiêu của Dự án V-LEEP, Hợp phần 3 của dự án tập trung thực hiện mục tiêu tăng cường năng lực thực hiện chính sách sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các ngành sử dụng nhiều năng lượng, bao gồm các ngành công nghiệp, xây dựng của Việt Nam.

Hiện tại Dự án đã tiến hành hàng loạt các hoạt động như: Thực hiện rà soát và lựa chọn 4 ngành trọng tâm gồm sắt thép, dệt may, xi măng và mía đường

để hỗ trợ kiểm toán năng lượng nhằm xác định tiềm năng và giải pháp sử dụng năng lượng hiệu quả cho các doanh nghiệp. Đến nay đã hỗ trợ kiểm toán năng lượng chi tiết cho 5 nhà máy sản xuất gang – thép, kiểm toán sơ bộ tại 3 nhà máy thép, 11 cơ sở sản xuất trong ngành dệt may, 2 nhà máy xi măng và 3 nhà máy mía đường.

Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho một số cơ quan ESCOs tại Việt Nam nhằm thúc đẩy dự án ESCO tại các doanh nghiệp công nghiệp. Làm việc với cơ quan tín dụng gồm Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) để xây dựng cơ chế phối hợp nhằm cung cấp hỗ trợ kỹ thuật trong việc rà soát các đề xuất vay vốn cho dự án tiết kiệm năng lượng.

Nghiên cứu xây dựng Định mức năng lượng tối thiểu (MEPS) cho ngành sản xuất đường mía Việt Nam. Theo đó, dự án V-LEEP đã thực hiện nghiên cứu đánh giá thực trạng tiêu thụ năng lượng và sản xuất của ngành, thu thập dữ liệu từ 39 nhà máy, tính toán và đề xuất định mức tiêu hao năng lượng cho ngành.

Nghiên cứu đánh giá tiềm năng tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng tái tạo trong khu công nghiệp. Dự án đã khảo sát 02 khu công nghiệp, thu thập dữ liệu tại 178 doanh nghiệp công nghiệp để đưa ra một số khuyến nghị cho cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp nhằm thúc đẩy nỗ lực tuân thủ quy định của Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả...

“Dự án sẽ góp phần cho các cơ quan quản lý nâng cao năng

lực thể chế trong triển khai chính sách về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, cũng như các doanh nghiệp công nghiệp có thể huy động được nguồn lực xã hội phục vụ nhu cầu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia nói chung, đạt mục tiêu tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải khí nhà kính của Việt Nam nói riêng”, đại diện Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững khẳng định.



Hỗ trợ hành động giảm nhẹ biến đổi khí hậu phù hợp với điều kiện quốc gia



Bộ Tài nguyên và Môi trường vừa phối hợp với Đại sứ quán Đức tại Việt Nam tổ chức Hội thảo tổng kết Dự án Hỗ trợ các hành động giảm nhẹ biến đổi khí hậu phù hợp với điều kiện quốc gia tại Việt Nam (Dự án NAMA).

HÀ LINH

Dự án NAMA do Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi Khí hậu Bộ Tài nguyên và Môi trường (TNMT) và Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức GIZ phối hợp thực hiện từ năm 2014 - 2018. Kinh phí viện trợ không hoàn lại là 4,6 triệu Euro do Bộ Môi trường, Bảo tồn thiên nhiên và An toàn Hạt nhân CHLB Đức tài trợ trong khuôn khổ Sáng kiến khí hậu quốc tế.

Theo Thứ trưởng Lê Công Thành, Dự án NAMA đã đóng góp rất lớn vào quá trình xây

dựng chính sách BĐKH tại Việt Nam. Dự án gồm có 5 hợp phần chính, tập trung vào tăng cường năng lực quản lý nhà nước của Bộ TNMT trong việc phối hợp và tư vấn xây dựng và thực hiện NAMA tại Việt Nam, hỗ trợ xây dựng đề xuất NAMA cho 2 ngành cụ thể (giao thông công cộng bền vững và tiết kiệm năng lượng cho ngành dệt may), xây dựng Cổng thông tin theo dõi đánh giá NDC - NDC Portal), hỗ trợ tăng cường năng lực đàm phán khí hậu cho Việt Nam và hỗ trợ xây dựng Đóng góp quốc gia tự quyết định NDC và rà soát, cập nhật NDC. Dự án cũng nhằm mục tiêu nâng cao năng lực của Bộ TNMT trong điều phối Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris. Ngoài ra, Dự án đã giúp quản lý và điều phối hoạt động trong khuôn khổ Sáng kiến Khí hậu toàn cầu của Chính phủ Cộng hòa liên bang Đức tại Việt Nam.

"Việt Nam đã đặt ra các mục tiêu khí hậu nhiều kỳ vọng để đóng góp một cách phù hợp cho Thỏa thuận Paris về khí hậu toàn cầu. Dự án NAMA rất quan trọng trong việc hỗ trợ xây dựng các mục tiêu và chính sách tương ứng, chuẩn bị cho việc thực hiện chúng. Sự hỗ trợ tiếp tục giúp Việt Nam củng cố vị thế của mình trong chính sách khí hậu quốc tế" - Thứ trưởng khẳng định.

Theo ông Jörg Rüger - Bí thư thứ nhất Đại sứ quán Đức tại Việt Nam, Bộ TNMT đã đạt được những cột mốc quan trọng trong chính sách khí hậu trong những năm qua. Ở cấp độ chung nhất, các hoạt động về NDC đã đưa ra hướng dẫn và khuôn khổ cần thiết cho một bức tranh toàn thể rộng lớn hơn.

Bên cạnh đó, Dự án đã xác định các cơ cấu và hệ thống thể chế phù hợp nhất nhằm thúc đẩy việc xây dựng và thực hiện các hành động giảm nhẹ phù hợp với điều kiện quốc gia. "NAMA Xe buýt các bon thấp" nhằm phát triển cơ sở hạ tầng xe buýt thân thiện với khí hậu cho các thành phố lớn. "NAMA cho ngành dệt may" tập trung áp dụng các biện pháp sử dụng hiệu quả năng lượng và pin điện mặt trời trên mái nhà trong ngành công nghiệp dệt may. Tiềm năng giảm khí nhà

kính tích lũy có thể lên tới 17 triệu tấn CO2 tương đương vào năm 2030.

"Chính phủ Đức mong muốn tiếp tục hợp tác thành công với Việt Nam, là hai đối tác tham vọng với mục tiêu chung là ứng phó với biến đổi khí hậu như đã thỏa thuận trong Hiệp định Paris", ông Jörg Rüger nhấn mạnh.

Một kết quả quan trọng khác của dự án NAMA là xây dựng thành công khung giám sát theo dõi các kết quả trong chính sách khí hậu của tất cả các ngành và các bộ liên quan. "Công cụ này cho phép Việt Nam theo dõi một cách có hệ thống các mục tiêu và chính sách biến đổi khí hậu quốc gia. Công cụ cũng cho phép một sự phối hợp liên bộ hiệu quả", Anna Pia Schreyögg, Cố vấn trưởng của dự án NAMA, GIZ Việt Nam cho biết.

Thời gian qua, GIZ cùng với các đối tác phát triển khác đã hỗ trợ Việt Nam xây dựng các văn bản quan trọng liên quan tới ứng phó biến đổi khí hậu như Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC); Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Mới đây nhất, Bộ TNMT đang phối hợp với các



Bộ, ngành rà soát, cập nhật báo cáo NDC cho phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội tại Việt Nam đồng thời chuẩn bị thông tin cho Đánh giá nỗ lực toàn cầu năm 2019. Tới đây, GIZ sẽ phối hợp với Bộ TNMT triển khai dự án "Hỗ trợ Việt Nam thực hiện Thỏa thuận Paris", gọi tắt là dự án SIPA. Trong dự án này, GIZ sẽ tiếp tục hỗ trợ Bộ TNMT trong việc xây dựng và thực hiện chính sách khí hậu.



Năng lượng tái tạo trong phát triển kinh tế biển xanh

Đến năm 2030, phát triển thành công, đột phá về các ngành kinh tế biển theo thứ tự ưu tiên: du lịch và dịch vụ biển; kinh tế hàng hải; Khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; nuôi trồng và khai thác hải sản; công nghiệp ven biển; năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới.

TUẦN KIỆT



Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng vừa thay mặt Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa 12 ký ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Đối với lĩnh vực khai thác dầu khí và các tài nguyên, khoáng sản biển khác: Nghị quyết đề ra nhiệm vụ nâng cao năng lực của ngành dầu khí và các ngành tài

nguyên, khoáng sản biển khác; từng bước làm chủ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác, đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế biển trong thời kỳ mới. Đẩy mạnh công tác tìm kiếm, thăm dò, gia tăng trữ lượng dầu khí; nghiên cứu, thăm dò các bể trầm tích mới, các dạng hydrocarbon phi truyền thống; gắn việc tìm kiếm, thăm dò dầu khí với điều tra, khảo sát, đánh giá tiềm năng các tài nguyên, khoáng

sản biển khác, khoáng sản biển sâu, đặc biệt là các khoáng sản có trữ lượng lớn, giá trị cao, có ý nghĩa chiến lược. Nâng cao hiệu quả khai thác các tài nguyên khoáng sản biển gắn với chế biến sâu; kết hợp hài hòa giữa khai thác, chế biến với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển.

Công nghiệp ven biển: Phải dựa trên cơ sở quy hoạch, cân nhắc lợi thế về điều kiện tự nhiên của từng vùng, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao thân thiện với môi trường, công nghiệp nền tảng, công nghệ nguồn. Phát triển hợp lý các ngành sửa chữa và đóng tàu, lọc hoá dầu, năng lượng, cơ khí chế tạo, công nghiệp chế biến, công nghiệp phụ trợ.

Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới: Thúc đẩy đầu tư xây dựng, khai thác điện gió, điện mặt trời và các dạng năng lượng tái tạo khác. Phát triển ngành chế tạo thiết bị phục vụ ngành công nghiệp năng lượng tái tạo, tiến tới làm chủ một số công nghệ, thiết kế, chế tạo và sản xuất thiết bị; ưu tiên đầu tư phát triển năng



lượng tái tạo trên các đảo phục vụ sản xuất, sinh hoạt, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Quan tâm phát triển một số ngành kinh tế dựa vào khai thác tài nguyên đa dạng sinh học biển như được liệu biển, nuôi trồng và chế biến rong, tảo, cỏ biển...

Tại Hội thảo Những tiến bộ kỹ thuật biển (VSOE) với chủ đề "Năng lượng và địa kỹ thuật" mới diễn ra mới đây, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Trần Hồng Hà khẳng định, kinh tế biển xanh hiện đã dần trở thành xu thế toàn cầu, hầu hết các quốc gia công nhận đây là mô hình để phát triển bền vững biển, trong đó, phát triển năng lượng tái tạo là một trong những điểm mấu chốt.

Đánh giá về năng lượng biển, theo Tổ chức OECD, năng lượng gió và công nghệ biển xếp thứ 03. Tại Hội nghị quốc tế tại Ba-li, Indonesia trong các ngày 29-30/10/2018 vừa qua, Ngân hàng Đầu tư châu Âu ECB cho biết năng lượng gió ngoài khơi là điểm sáng của

kinh tế biển, mang lại giá trị 3,6 tỷ Euro. "Ở Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành "Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050", định hướng phát triển điện gió đạt 1% vào năm 2020, khoảng 2,7% vào năm 2030 và 5% vào năm 2050; định hướng phát triển nguồn năng lượng mặt trời đạt 0,5% vào năm 2020, khoảng 6% vào năm 2030 và khoảng 30% vào năm 2050", Bộ trưởng cho hay.

Vì vậy, theo Bộ trưởng Trần Hồng Hà, phát triển năng lượng biển là phù hợp với xu thế của toàn cầu, cũng như góp phần phát triển bền vững kinh tế biển tại Việt Nam cần tập trung vào ba vấn đề. Một là, tăng cường đầu tư xây dựng khai thác điện gió, điện mặt trời và các dạng năng lượng tái tạo khác; phát triển ngành công nghiệp chế tạo phục vụ ngành công nghiệp năng lượng tái tạo tiến tới làm chủ một số công nghệ thiết kế, chế tạo và sản xuất thiết bị;

ưu tiên đầu tư phát triển năng lượng tái tạo trên các đảo phục vụ sản xuất, sinh hoạt, bảo đảm quốc phòng, an ninh là chủ trương lớn, đóng vai trò là nền tảng dẫn dắt cho việc khai thác, phát triển năng lượng tái tạo trên biển ở Việt Nam.

Hai là, phát triển năng lượng biển nói riêng bền vững kinh tế biển Việt Nam nói chung và bền vững kinh tế biển Việt Nam nói chung phải dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại và nguồn nhân lực chất lượng cao làm nhân tố đột phá.

Ba là, các vùng biển Việt Nam với rất nhiều tiềm năng về tài nguyên, năng lượng biển. Tuy nhiên, hiện Việt Nam mới bước đầu khai thác sử dụng có hiệu quả năng lượng điện gió tại một số nơi như Bạc Liêu, Phú Quý. Trong tương lai gần, Việt Nam cần huy động nguồn lực trong và ngoài nước thông qua các cơ chế hợp tác song phương, đa phương để khai thác tiềm năng này, phục vụ phát triển kinh tế biển xanh.



Năm 2030 giảm 34 triệu tấn khí thải carbon nhờ dán nhãn năng lượng

Mục tiêu Chương trình dán nhãn năng lượng và áp dụng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu sẽ tiết kiệm tiêu dùng tích lũy khoảng 10 nghìn tỷ đồng (480 triệu USD) tương đương sẽ giảm lượng khí thải carbon dioxide của 34 triệu tấn vào năm 2030. Lượng tiết kiệm điện quốc gia hàng năm sẽ vào khoảng 6.000 GWh/năm, giảm được nhu cầu tương đương với khoảng hai nhà máy điện đốt than 500 MW (tương đương 1 tỷ USD đầu tư nhà máy điện).

THANH NGÂN

Tại Việt Nam, Chương trình dán nhãn năng lượng bắt đầu triển khai từ năm 2008, Bộ Công Thương đã triển khai theo hình thức tự nguyện, bắt buộc thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

Theo thống kê của Bộ Công Thương, Chương trình dán nhãn năng lượng bắt buộc từ ngày 01 tháng 7 năm 2013, tính đến tháng 6/2018, đã có khoảng 15.000 mã sản phẩm thuộc 19 chủng loại thiết bị đã được dán nhãn năng lượng. Lượng sản phẩm bán ra của các thiết bị gia dụng có dán nhãn năng lượng như quạt điện, máy thu hình, máy điều hòa chiếm hơn 90% tổng số sản phẩm bán ra trên thị trường.

Báo cáo của Hội Điều hòa không khí Việt Nam, ước tính lượng điện năng tiết kiệm được hàng năm do người tiêu dùng chuyển hướng sang chọn mua và sử dụng các loại sản phẩm điều hòa không khí có hiệu suất cao vào khoảng trên 100 triệu kWh/năm. Theo báo cáo của tổ chức CLASP Mỹ tới năm 2017 gần như toàn bộ 100% các sản phẩm điều

hòa tại Việt Nam đã được dán nhãn trên thị trường; số mẫu đạt 4 sao và 5 sao chiếm 62.8%.

Năm 2015, với tổng thị trường bóng đèn chiếu sáng 150 triệu bóng, ước tính lượng điện năng tiết kiệm được do loại bỏ đèn sợi đốt có công suất trên 60 W khoảng 1,5 tỷ kWh/năm.

Nhãn năng lượng đã tạo được thói quen tiêu dùng, mua sắm các sản phẩm hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng. Người tiêu dùng khi chọn mua sản phẩm trước đây chỉ căn cứ vào giá cả, mẫu mã thì nay đã chủ động tìm hiểu các thông tin về kỹ thuật, tiêu thụ năng lượng để lựa chọn sản phẩm bởi điều này ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích kinh tế khi tiết kiệm đáng kể lượng điện tiêu thụ trong quá trình sử dụng. Dự báo lượng điện tiết kiệm từ các sản phẩm dán nhãn năng lượng sẽ đạt khoảng 10% vào năm 2020 và con số này có thể lên tới 30% vào năm 2030.

Tuy nhiên, theo Bộ Công Thương, việc dán nhãn năng lượng còn gặp một số bất cập như một số các doanh nghiệp nhập khẩu cho rằng quy trình cấp chứng nhận và dán nhãn tại Thông tư 07/2012/TT-BCT như: quy trình Chứng nhận còn rườm rà, nhiều thủ tục, tốn kém thời gian, chi phí khi chứng nhận dán nhãn năng lượng theo lô hàng hóa nhập khẩu, hiệu lực của phiếu thử nghiệm hiệu suất năng lượng chỉ kéo dài trong 06 tháng. Trong khi cơ sở hạ tầng thử nghiệm hiệu suất năng lượng của các phòng thử nghiệm trong nước còn hạn chế.



Theo đại diện Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững, hiện nay, đã có 09 cơ sở thử nghiệm được Bộ Công Thương ký định để thử nghiệm các sản phẩm đăng ký dán nhãn năng lượng dựa theo các tiêu chuẩn Việt Nam đã được ban hành. Chính vì thế, người tiêu dùng có thể hoàn toàn yên tâm về các thông tin hiệu suất tiêu thụ năng lượng được công bố trên nhãn năng lượng. Cùng với đó, Bộ Công Thương sẽ luôn tích cực phối hợp cùng các đơn vị liên quan đẩy mạnh việc hậu kiểm, giám sát thực hiện việc dán nhãn năng lượng của doanh nghiệp trong thời gian tới.



Triển lãm VietWater 2018: Năng lượng từ chất thải rắn chưa được khai thác đúng mức

Phát biểu tại Hội thảo nhân dịp Triển lãm Vietwater tại TP HCM Bà Lê Thu Thủy, Phó trưởng Phòng Quản lý chất thải rắn (thuộc Cục Hạ tầng kỹ thuật, Bộ Xây dựng) cho rằng, tiềm năng thu hồi năng lượng trong quá trình xử lý chất thải rắn là rất lớn nhưng chưa được khai thác đúng mức.

NAM THANH

Lượng rác thải gia tăng 12%/năm

Báo cáo của Viện Môi trường đô thị và Công nghiệp Việt Nam cho thấy, lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh ở khu vực đô thị khoảng 38.000 tấn/ngày, gia tăng trung bình 12%/năm. Lượng chất thải rắn phát sinh ở khu vực đô thị là 0,7 kg/người/ngày; nông thôn 0,3 kg/người/ngày. Ở khu vực đô thị cao nhất là Thành phố Hồ Chí Minh là 1,3 kg/người/ngày; Hà Nội là 1 kg/người/ngày. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt hiện nay tại khu vực nội thành trung bình đạt khoảng 85%, khu vực ngoại

thành khoảng 60%, còn khu vực nông thôn chỉ đạt khoảng 40 - 55% so với lượng phát sinh.

Tổng lượng chất thải rắn phát sinh từ các khu công nghiệp vào khoảng 7 triệu tấn/năm, chất thải nguy hại phát sinh trên toàn quốc khoảng 800.000 tấn/năm. Thế nhưng tỷ lệ chất thải công nghiệp phát sinh được thu gom còn hạn chế. Một số cơ sở sản xuất công nghiệp ngoài cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất nhỏ lẻ không ký hợp đồng thu gom xử lý dẫn đến việc đổ chất thải bừa bãi gây mất vệ sinh và ô nhiễm môi trường. Chưa kể khối lượng chất thải xây dựng, công nghiệp nguy hại cũng chưa được thu gom triệt để do công tác quản lý chưa chặt chẽ. Hiện Việt Nam rất thiếu các khu xử lý chất thải rắn công nghiệp, xây dựng, đặc biệt là các khu xử lý chất thải tập trung quy mô lớn.



Theo GS-TS Nguyễn Hữu Dũng, Viện Môi trường đô thị và công nghiệp Việt Nam, tỷ lệ thu gom rác ở Việt Nam mới đạt 70 - 80% tổng lượng thải, trong khi việc vận chuyển còn nhiều bất cập, hạn chế đã gây tác động tiêu cực đến môi trường đô thị và sức khỏe người dân.

"Đến hết năm 2017, cả nước có khoảng 660 bãi chôn lấp (quy mô trên 1 ha/bãi) và nhiều bãi chôn lấp quy mô nhỏ ở các xã; chỉ có 128 bãi chôn lấp hợp vệ sinh chiếm tỷ lệ 18,2%. Đối với hình thức đốt, cả nước có 200 lò, công suất dưới 500 kg/giờ. Nhiều lò đốt rác đầu tư công nghệ hạn chế gây phát thải nhiều chất độc hại vào môi trường không khí", GS Dũng nói.

Biến rác thải thành năng lượng – xu hướng mới

Ông Nguyễn Hữu Dũng cho rằng, xu hướng và yêu cầu trong thời gian tới là cần áp dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn, tăng cường tái chế chất thải rắn, hạn chế chôn lấp. Trong đó, xu hướng "biến" rác thành năng lượng đang là hướng đi phù hợp, trong khi việc tái chế rác thành các nguyên liệu như phân bón chưa được người dân đón nhận, chỉ phù hợp với số ít địa phương.

Theo bà Lê Thu Thủy, Phó trưởng Phòng Quản lý chất thải rắn (thuộc Cục Hạ tầng kỹ thuật, Bộ Xây dựng), tiềm năng thu hồi năng lượng trong quá trình xử lý chất thải rắn là rất lớn nhưng chưa được khai thác đúng mức. Theo nghiên

cứu, ước tính tiềm năng thu hồi điện từ rác thải sinh hoạt tại Việt Nam có quy mô công suất từ 254-300/tấn ngày, tương đương với 5 MW điện. Ngoài ra, với các thiết bị thu hồi nhiệt hiện đại có thể tận dụng hầu hết nhiệt năng thải ra để đưa trở lại quá trình sản xuất. Bà Lê Thu Thủy cho biết, Chính phủ có nhiều chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư năng lượng tái tạo như điện sinh khối, điện rác...

Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh đã kêu gọi các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước đăng ký đấu thầu dự án xử lý rác sinh hoạt bằng công nghệ đốt phát điện với nhiều chính sách ưu đãi.

Dự án có công suất 1.000 tấn/ngày, đơn giá xử lý không quá 21 USD/tấn, loại rác tiếp nhận xử lý rác sinh hoạt của thành phố chưa qua phân loại. Thành phố sẽ ưu tiên những nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện đầu tư và vận hành các dự án đốt rác phát điện tương tự có công suất hơn 1.000 tấn/ngày; ưu tiên tự động hóa của dây chuyền thiết bị theo tiêu chuẩn các nước G7; có hệ thống phân loại để thu hồi tái chế trước khi đốt; thiết kế mô-đun bảo đảm khối lượng trong trường hợp khối lượng rác vượt 1.000 tấn/ngày; có phương án tiêu thụ điện năng và sản xuất điện năng.

Đồng thời, ưu tiên các công trình trực tiếp tiếp nhận rác, tất cả các hạng mục có phát sinh mùi đều phải có thiết kế bảo đảm kín; bắt buộc tỷ lệ chất thải rắn thứ cấp phát sinh từ lò đốt rác dưới 10%.

Việt Nam xếp hạng 27/190 quốc gia, nền kinh tế về chỉ số tiếp cận điện năng

Theo báo cáo Doing Business 2019 (DB 2019) được Ngân hàng Thế giới (WB) công bố mới đây, chỉ số tiếp cận điện năng năm 2018 của Việt Nam tăng 37 bậc so với năm trước, xếp hạng 27/190 quốc gia, nền kinh tế.

THANH THẢO

Báo cáo cho thấy, chỉ số tiếp cận điện năng năm 2018 của Việt Nam đạt được mức xếp hạng cao nhất từ trước đến nay với 87,94/100 điểm. Kết quả này đưa Việt Nam chính thức lọt Top 4 ASEAN sớm 2 năm so với mục tiêu Chính phủ đặt ra (năm 2020).

DB 2019 ghi nhận, xét riêng về số thủ tục và thời gian thực hiện của ngành điện thì Việt Nam đứng thứ 2 trong khu vực ASEAN. Trong đó, thời gian tiếp cận điện năng chỉ còn 31 ngày, giảm tới 15 ngày so với năm 2017 (46 ngày).

Như vậy, thời gian để doanh nghiệp tiếp cận điện năng tại Việt Nam chỉ bằng 1/2 thời gian so với mức bình quân các nước khu vực châu Á Thái Bình Dương (65 ngày), hay nhóm các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế OECD (71,2 ngày).

Một điểm sáng nữa khiến chỉ số tiếp cận điện năng của Việt Nam thăng hạng, đó là yếu tố về độ tin cậy cung cấp điện và minh bạch giá điện của Việt Nam (đạt 7/8 điểm, tăng 1 điểm so với năm trước). Mức điểm này ngang bằng với các



Chỉ số tiếp cận điện năng của Việt Nam chính thức lọt Top 4 ASEAN.

quốc gia có nền kinh tế phát triển như: Singapore, Thụy Sĩ, Đan Mạch và tốt hơn một số quốc gia lớn như: Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil...

Cũng theo WB, tiếp cận điện năng là chỉ số có sự cải thiện tốt nhất trong 10 chỉ số của nền kinh tế, góp phần duy trì đánh giá tích cực về môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

Chỉ số tiếp cận điện năng bắt đầu được tổ chức Doing Business - Ngân hàng Thế giới đánh giá từ năm 2013. Qua 5 năm, chỉ số này của Việt Nam đã từ vị trí gần cuối bảng (xếp thứ 156/189 quốc gia - năm 2013) bứt phá ấn tượng lên vị trí 27/190 quốc gia, nền kinh tế.

Trong đó, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã thực hiện quyết liệt và đồng bộ hàng loạt giải pháp về dịch vụ khách hàng mà trọng tâm là ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số. Cụ thể, EVN đã phục vụ trực tuyến đối với 100% các dịch vụ điện năng, tương đương với dịch vụ công cấp độ 3. Các thông tin về quy định, thủ tục dịch vụ điện đều được EVN và các đơn vị trực thuộc đăng tải

công khai trên các website về dịch vụ khách hàng.

Bên cạnh đó, 5 Trung tâm Chăm sóc khách hàng đều phục vụ 24/7, qua nhiều kênh giao tiếp như: tổng đài, website, email, zalo, facebook...

EVN cũng khai thác triệt để công nghệ sửa chữa điện hotline, áp dụng các công nghệ điều khiển hệ thống điện tự động như: SCADA/miniSCADA, trung tâm điều khiển từ xa, DAS (tự động hóa lưới phân phối)... để nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, giảm thời gian mất điện của khách hàng.

Trong năm 2018, EVN chủ động báo cáo, làm việc với UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương để đưa các dịch vụ điện vào giải quyết tại trung tâm hành chính công (đến nay đã thực hiện tại 15 tỉnh/thành phố), hoặc kết nối liên thông với các website cung cấp dịch vụ công trực tuyến của 42 tỉnh/thành phố.

Những giải pháp trọng tâm, trọng điểm của EVN giúp các dịch vụ điện đến gần thêm với doanh nghiệp và người dân,

đồng thời nâng cao mức độ minh bạch trong quá trình cung cấp dịch vụ điện.

Hiện nay, EVN vẫn đang tiếp tục tập trung vào giải pháp rút ngắn thời gian, giảm thủ tục tiếp cận điện theo hướng "một cửa liên thông", đơn giản hóa hồ sơ, thực hiện song song các công việc của điện lực và của cơ quan Quản lý nhà nước, giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận điện năng hơn nữa.



PV GAS ký kết Ý định thư về việc hợp tác cung cấp LNG từ dự án Alaska LNG

Là một thành viên quan trọng tham gia đoàn công tác của Việt Nam tới bang Alaska (Mỹ) và Tập đoàn Alaska Gasline Development Corporation (AGDC), Tổng công ty Khí Việt Nam (PV GAS) vừa ký kết Ý định thư về việc hợp tác cung cấp LNG từ dự án 43 tỷ USD Alaska LNG.

HẢI LONG

Mới đây, đoàn công tác của Việt Nam gồm đại diện Bộ Công Thương, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và PV GAS có chuyến thăm và làm việc với chính quyền bang Alaska và Tập đoàn Alaska Gasline Development Corporation về việc triển khai hợp tác để cung cấp LNG từ dự án Alaska LNG về Việt Nam.

Đoàn đã được Thống đốc bang Alaska Bill Walker giới thiệu về bang Alaska và tiềm năng dầu khí của bang. Thống đốc Bill Walker cho biết, chính quyền bang Alaska hiện đang kêu gọi đầu tư vào các dự án phát triển dầu khí thượng nguồn cũng như dự án Alaska LNG do Công ty AGDC phát triển. Alaska LNG được phát triển như dự án hạ tầng của bang nên nhận được sự hỗ trợ đặc biệt của chính quyền và người dân.

Về phía Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Công Thương Đặng Hoàng An cũng chia sẻ về tình hình kinh - tế xã hội của Việt Nam trong giai đoạn 2017 - 2018 cũng như các chính sách thu hút đầu tư của Chính phủ Việt Nam trong lĩnh vực năng lượng; thể hiện sự mong muốn tạo những điều kiện tốt để doanh nghiệp hai nước có thêm nhiều cơ hội tìm hiểu, hợp tác và góp phần phát triển kinh tế của hai quốc gia và toàn cầu.

Tại cuộc gặp, hai bên thống nhất hỗ trợ doanh nghiệp của mỗi bên trong việc hợp tác phát triển các dự án năng lượng, trước mắt là các dự án cung cấp LNG mà Alaska có tiềm năng và PV GAS có nhu cầu hợp tác.

Hai bên cũng tái khẳng định sự hỗ trợ và quan tâm đặc biệt đến khả năng hợp tác giữa PV GAS và AGDC nói riêng cũng như giữa Việt Nam và bang Alaska nói chung trong việc cung cấp LNG từ dự án Alaska LNG về Việt Nam với giá cạnh tranh nhất.

Ngoài ra, AGDC thể hiện mong muốn được tham gia đầu tư vào hệ thống hạ tầng LNG tại Việt Nam.

Trong khuôn khổ chuyến thăm và làm việc, với sự chứng kiến của Thứ trưởng Đặng Hoàng An và Thống đốc bang Alaska Bill Walker, đại



diện PV GAS và AGDC ký kết Ý định thư (LOI) ghi nhận ý định của các bên trong việc hợp tác cung cấp LNG từ dự án Alaska LNG cho PV GAS.

Chuyến thăm của đoàn công tác Việt Nam cũng như việc ký kết Ý định thư giữa PV GAS và AGDC đánh dấu bước phát triển về việc hợp tác giữa hai

bên để cung cấp LNG cho các dự án nhập khẩu LNG tại Việt Nam với giá cạnh tranh nhất, mở ra cơ hội mới để PVN/PV GAS phát triển thị trường khí và mở rộng hợp tác với nhiều đối tác tiềm năng trong lĩnh vực LNG.

Được biết, Tập đoàn AGDC là tập đoàn trực thuộc bang Alaska hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính và xây dựng phát triển các dự án khí. AGDC do chính quyền bang Alaska sở hữu toàn bộ và hiện là chủ sở hữu duy nhất của dự án Alaska LNG.

Dự án Alaska LNG có chi phí đầu tư ước tính khoảng 43 tỷ USD đã được ký kết Biên bản ghi nhớ giữa PV GAS và AGDC vào ngày 12/11/2017. Theo đó, dự án có nguồn khí đầu vào từ các mỏ khí khu vực Alaska với tổng trữ lượng lên đến 35 Tcf. Dự án bao gồm nhà máy xử lý khí công suất trung bình 3,5 tỷ feet khối/ngày, đường ống khí thiên nhiên gần 1.300 km và tổ hợp sản xuất LNG công suất 20 triệu tấn/năm gồm 3 dây chuyền có khả năng xử lý 12.500 m3 LNG mỗi giờ, 2 bồn chứa công suất 240.000 m3, 2 cầu tàu có khả năng tiếp nhận tàu công suất đến 217.000 m3 (Q-flex).





Ngành dầu khí trong tầm nhìn mới về Chiến lược biển

Rất nhiều kỳ vọng đã được các đại biểu Quốc hội, nhà quản lý đặt ra đối với ngành dầu khí tại buổi tọa đàm với chủ đề “Ngành dầu khí trong tầm nhìn mới về chiến lược biển” diễn ra tại Hà Nội mới đây. Tuy nhiên, để ngành dầu khí phát huy vai trò hạt nhân trong Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển thì một điều quan trọng là phải hoàn thiện khung khổ pháp lý.

ĐÌNH TÚ

Ngành dầu khí là ngành kinh tế đặc biệt, có vai trò rất lớn với nền kinh tế cũng như với an ninh, quốc phòng, là biểu tượng, niềm tự hào của đất nước. Trong Chiến lược kinh tế biển mà Đảng vừa thông qua tại Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, vai trò ấy một lần nữa được khẳng định. Muốn thực hiện tốt Nghị quyết, theo các chuyên gia tham gia tọa đàm, việc hoàn thiện thể chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về phát triển bền vững kinh tế biển, trong đó lĩnh vực dầu khí có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Tại tọa đàm, các đại biểu đã tập trung làm rõ các vấn đề như những đóng góp quan trọng của ngành dầu khí đối với đất nước sau hơn một nửa thế kỷ phát triển, trong đó có những địa phương mà ngành dầu khí hoạt động; đánh giá tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đối với sự phát triển của ngành dầu khí; trình độ khoa học kỹ thuật, công nghệ của ngành dầu khí Việt Nam trong cộng

Theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác xếp thứ ba trong thứ tự ưu tiên phát triển các ngành kinh tế biển.

Nghị quyết nêu rõ: Nâng cao năng lực của ngành dầu khí và các ngành tài nguyên, khoáng sản biển khác; từng bước làm chủ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác, đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế biển trong thời kỳ mới. Đẩy mạnh công tác tìm kiếm, thăm dò, gia tăng trữ lượng dầu khí; nghiên cứu, thăm dò các bể trầm tích mới, các dạng hydrocarbon phi truyền thống; gắn việc tìm kiếm, thăm dò dầu khí với điều tra, khảo sát, đánh giá tiềm năng các tài nguyên, khoáng sản biển khác, khoáng sản biển sâu, đặc biệt là các khoáng sản có trữ lượng lớn, giá trị cao, có ý nghĩa chiến lược. Nâng cao hiệu quả khai thác các tài nguyên khoáng sản biển gắn với chế biến sâu; kết hợp hài hòa giữa khai thác, chế biến với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển.

đồng các quốc gia xuất khẩu dầu mỏ trên thế giới. Thông qua trao đổi, thảo luận góp ý, các đại biểu Quốc hội, chuyên gia kinh tế đưa ra những đánh giá khách quan vai trò của ngành dầu khí trong tầm nhìn mới về Chiến lược biển. Đồng thời, xác định những khó khăn và thách thức cho ngành dầu khí trong giai đoạn mới cũng như cùng tìm cách tháo gỡ khó khăn, đưa ra các giải pháp cụ thể. Bên cạnh đó, các đại biểu tham dự cũng đóng góp ý kiến đối với việc đẩy mạnh hoàn thiện khung pháp lý cho ngành dầu khí, xây dựng chính sách, chiến lược phát triển cho ngành dầu khí phát triển bền vững.

Cũng trong buổi tọa đàm này, đại diện lãnh đạo các đơn vị dầu khí chia sẻ thông tin về những dự án trọng điểm của ngành dầu khí đang nhận được sự quan tâm rất lớn như: dự án Nâng cấp Mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất; chuỗi dự án Khí Lô B Ô Môn. Trong đó, nhấn mạnh đến tính cấp bách cần được triển khai của các dự án này cũng như tầm quan trọng của các dự án đối với việc đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Thay mặt lãnh đạo Tập đoàn, Thành viên HĐQT PVN Phạm Xuân Cảnh chia sẻ chiến lược phát triển trong thời gian tới của Tập đoàn. Trong đó, Tập đoàn tiếp tục phát triển theo 5 lĩnh vực theo đúng tinh thần

của Nghị quyết 41 của Bộ Chính trị, trong đó xác định lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí là lĩnh vực cốt lõi. Hiện tại, PVN đang nỗ lực tập trung tái cấu trúc toàn diện các mặt hoạt động của Tập đoàn cũng như các đơn vị thành viên. Bản thân Tập đoàn nhận thức việc Trung ương ban hành Nghị quyết về Chiến lược kinh tế biển sẽ là cơ hội, động lực thúc đẩy sự phát triển của ngành dầu khí trong đó PVN giữ vai trò mũi nhọn của ngành kinh tế biển.

Để có thể thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của mình trong định hướng phát triển mới, PVN mong muốn các cấp có thẩm quyền sớm hoàn thiện thể chế cho ngành dầu khí, đồng thời đề nghị sửa đổi Luật Dầu khí, trong đó đặc biệt liên quan đến các vấn đề về cơ chế, nguồn lực cho hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí.

Phát biểu kết luận tọa đàm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế của Quốc hội Nguyễn Đức Kiên đánh giá cao vai trò, đóng góp của ngành dầu khí cho nền kinh tế đất nước từ trước đến nay. Tuy nhiên, hiện nay, tình hình trong nước và quốc tế đã có nhiều thay đổi, đòi hỏi chúng ta phải có cách nhìn nhận, đánh giá khác về khai thác, thăm dò dầu khí cũng như việc ứng dụng khoa học công nghệ trong các lĩnh vực này.

Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế của Quốc hội Nguyễn Đức Kiên mong muốn qua buổi tọa đàm này, các đại biểu Quốc hội, các chuyên gia kinh tế sẽ có những ghi nhận, tham mưu đến Quốc hội, Chính phủ về việc sửa đổi các chính sách đối với các dự án của PVN cũng như sự cần thiết trong việc sửa đổi Luật Dầu khí cho phù hợp với các định hướng chiến lược phát triển ngành dầu khí cũng như Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong giai đoạn mới.



Kỷ niệm 30 năm vận hành: Thủy điện Hòa Bình cán mốc 228 tỷ kWh

Kỷ niệm 30 năm đi vào vận hành, Công ty Thủy điện Hòa Bình đã sản xuất đạt 228 tỷ kWh, ngày càng khẳng định và phát huy vai trò là công trình thủy điện chiến lược đa mục tiêu.

CẨM HẠNH



Ngày 9/11, Công ty Thủy điện Hòa Bình tổ chức Lễ kỷ niệm 30 năm thành lập và phát triển, ghi dấu một chặng đường đưa Thủy điện Hòa Bình trở thành một trong những công trình thủy điện lớn nhất khu vực Đông Nam Á...

Công trình thế kỷ

Báo cáo tại buổi lễ, ông Nguyễn Văn Minh – Giám đốc Công ty Thủy điện Hòa Bình cho biết: Thủy điện Hòa Bình do Liên Xô giúp đỡ xây dựng năm 1979, hòa lưới tổ máy số 1 vào cuối năm

1988 và hiện nay đã có 8 tổ máy vận hành với tổng công suất lắp đặt là 1.920 MW.

Trải qua 30 năm thành lập và đi vào vận hành, đây là công trình thủy điện lớn thứ 2 ở Việt Nam và cũng là một trong các công trình thủy điện lớn nhất Đông Nam Á, là nguồn điện chủ lực của hệ thống điện nước ta, góp phần đưa quy mô nguồn điện Việt Nam đứng thứ 25 trên thế giới và đứng thứ 2 ASEAN, đóng góp thiết thực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Trước năm 2010, khi chưa có các thủy điện bậc thang trên (Sơn La, Lai Châu, Huội Quảng, Bản Chát), Thủy điện Hòa Bình là nguồn điện có công suất lắp đặt lớn nhất ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á. Sản lượng điện trung bình hàng năm đạt xấp xỉ mức thiết kế 8,16 tỷ kWh. Trong thời kỳ đầu vận hành, điện sản xuất chiếm tỉ trọng khoảng 35 - 40% toàn hệ thống, đáp ứng dư thừa nhu cầu điện khu vực miền Bắc; đồng thời cung cấp một phần sản lượng điện rất lớn cho miền Nam, góp phần giải quyết tình trạng thiếu điện nghiêm trọng ở miền Nam khi đó.

Từ năm 2010 trở đi, sau khi các bậc thang thủy điện lớn phía trên lần lượt đưa vào vận hành, sản lượng điện của Thủy điện Hòa Bình tăng vọt lên xấp xỉ 10,1 tỷ kWh/năm, tăng 24,2% so với sản lượng thiết kế ban đầu. Riêng năm 2017, công ty lập kỷ lục 11,25 tỷ kWh và năm 2018 dự kiến cũng đạt trên 11 tỷ kWh. Từ thời điểm thành lập và đi vào vận hành đến nay, sản lượng điện sản xuất của nhà máy lũy kế đã đạt 228 tỷ kWh.

Phát huy vai trò thủy điện đa mục tiêu

Trải qua 30 năm vận hành, Thủy điện Hòa Bình phát huy vai trò là công trình thủy điện chiến lược đa mục tiêu. Hồ chứa công trình đã tham gia điều tiết cắt lũ, giảm lũ hiệu quả cho hạ du. Việc vận hành, điều tiết hồ chứa Thủy điện Hòa Bình với dung tích 9 tỷ m³ giúp cho vùng Đồng bằng Bắc Bộ cơ bản không còn xảy ra tình trạng ngập lụt.

Kể từ khi nhà máy đi vào vận hành đến nay, hàng chục trận lũ lớn trên 10.000 m³/s; điển hình



Trải qua 30 năm vận hành, Thủy điện Hòa Bình phát huy vai trò là công trình thủy điện chiến lược đa mục tiêu.

là các trận lũ lớn lịch sử xuất hiện vào tháng 8/1996 có lưu lượng hơn 22.650 m³/s; trận lũ muộn xuất hiện tháng 10/2017 (khi hồ chứa đã đầy) có lưu lượng gần 16.000 m³/s xuất hiện với những diễn biến rất phức tạp, khó lường nhưng đều được chế ngự, giữ vững an toàn công trình và vùng hạ du Đồng bằng Bắc Bộ.

Với quy mô là nhà máy thủy điện lớn trong hệ thống điện quốc gia, Thủy điện Hòa Bình đảm nhận vai trò chính trong việc điều chỉnh tần số và điện áp của hệ thống điện quốc gia.

Bên cạnh đó, Thủy điện Hòa Bình còn đóng vai trò quan trọng trong việc cấp nước chống hạn phục vụ sản xuất nông nghiệp cho các tỉnh Đồng bằng Bắc Bộ, cải thiện giao thông thủy trên sông Đà, sông Hồng và tăng cường nguồn nước phục vụ nhu cầu dân sinh và các hoạt động sản xuất khác. Lượng nước xả từ hồ Hòa Bình phục vụ sản xuất nông nghiệp cho nhiều tỉnh thành ở Đồng bằng Bắc Bộ chiếm khoảng 65 - 70% tổng lượng xả từ tất cả các hồ thủy điện lớn ở phía Bắc. Không chỉ vậy,



trong suốt mùa cạn, nhà máy thực hiện phương thức phát điện duy trì dòng chảy tối thiểu luôn lớn hơn dòng chảy tự nhiên để nâng mức nước hạ lưu thêm từ 0,6 - 2,5 m, giúp cho các phương tiện thủy trên sông Đà và sông Hồng lưu thông dễ dàng; tạo điều kiện kết nối giao thương giữa khu vực miền núi Tây Bắc với Đông Bắc Bộ thuận tiện hơn.

Hàng năm, Công ty Thủy điện Hòa Bình còn đóng góp nguồn kinh phí đáng kể vào ngân sách của Nhà nước và địa phương. Những năm gần đây, công ty nộp ngân sách cho tỉnh Hòa Bình 1.000 - 1.400 tỷ đồng/năm, nộp thuế tài nguyên cho tỉnh Sơn La 300 - 450 tỷ đồng/năm, đóng góp tiền dịch vụ môi trường rừng cho 6 tỉnh thuộc lưu vực phía thượng nguồn sông Đà trên 200 tỷ đồng/năm.

Với lợi thế nhà máy nằm trong núi, đập và hồ chứa lớn, có nhiều quần thể kiến trúc, cảnh quan đẹp, Công ty Thủy điện Hòa Bình phối hợp cùng ngành du lịch tỉnh Hòa Bình khai thác nhiều loại hình dịch vụ du lịch phù hợp, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương. Đồng thời, công ty luôn nỗ lực phối hợp với chính quyền trong việc bảo vệ hồ chứa, phòng chống các hoạt động xâm lấn trái phép gây ảnh hưởng đến tài nguyên và môi trường nước.

Ngày 20/1/2017, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 99/QĐ-TTg về việc đưa Nhà máy Thủy điện Hòa Bình vào danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia. Đến tháng 7/2018, Nhà máy Thủy điện Hòa Bình được vinh danh trong chương trình "Vinh quang Việt Nam - Dấu ấn những công trình", trở thành niềm tự hào to lớn về ý chí và nghị lực phi thường của người công nhân ngành điện Việt Nam.

TKV: Ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất lao động

Thời gian gần đây, nhiều đơn vị của Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) đẩy mạnh đầu tư, ứng dụng khoa học kỹ thuật, sáng tạo, cải tiến thiết bị... nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm nhân công tham gia trực tiếp, nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường.



ĐỨC DŨNG

Ra đời từ phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật qua thực tế sản xuất, máy xúc lật hồng mini ML-01-0,15 do Công ty than Uông Bí và Công ty CP Cơ khí Uông Bí phối hợp nghiên cứu, cải hoán từ máy xúc KOMASU PC10 cho phù hợp với điều kiện khai thác, đào lò trong phân khúc đường lò nhỏ có tiết diện $\geq 5,2 \text{ m}^2 \div 8,5 \text{ m}^2$ của Than Uông Bí.

Sản phẩm được chế tạo trong năm 2017, hoàn thành đầu năm 2018 và hiện 2 chiếc máy xúc lật hồng mini nhỏ gọn đang được thử nghiệm tại khu mỏ Tràng Bạch của Công ty Than Uông Bí.

Theo ông Lê Quang Hà, Phó Giám đốc Cơ điện Vận tải (Công ty than Uông Bí), trong những thiết bị mà công ty đã có sáng kiến cải hoán để đưa vào phục vụ công tác đào lò thì máy này ưu việt nhất. Kích thước nhỏ gọn của máy cho phép đào được những gương lò bé khoảng 5 m². Đặc biệt, máy xúc lật hồng mini rất linh hoạt trong quá trình lắp ghép và tháo rời khi chuyển điện, hiệu quả trong việc tăng năng suất đào lò.

Ông Hà nêu ví dụ, với lò phân tầng, 1 gương sẽ cần 10 công nhân nhưng với máy xúc lật hồng mini này thì chỉ cần từ 3 - 4 người, giảm nhân công tham gia trực tiếp và tăng năng suất, tạo môi trường làm việc an toàn.

Ông Trương Xuân Thường, Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ mỏ cho biết thêm, giai đoạn đầu thử nghiệm, năng suất đào lò dự tính khoảng 120 m/tháng. Sau khi thành thực thì sẽ đạt đến khoảng 150 - 160 m/tháng, có khả năng tăng gấp đôi so với thời kỳ đầu khi chưa áp dụng máy.

Thời gian tới, Công ty Than Uông Bí sẽ triển khai thành lập những phân xưởng cơ giới hóa đào lò và đưa các thiết bị này xuống vị trí sản xuất sớm nhất, nhằm mục tiêu giảm tối đa sức lao động cho công nhân, tăng năng suất, tốc độ đào

lò. Không chỉ có Công ty Than Uông Bí, Công ty CP công nghiệp ô tô Vinacomin cũng vừa chế tạo thành công bộ cốt pha (khuôn đúc bê tông) máng trượt đổ bê tông trong hầm lò. Kết cấu cốt pha hầm được bố trí 18 dầm rung, 16 xi lanh thủy lực... Hệ thống cốt pha này sẽ được ứng dụng trong các công trình quốc phòng như làm các hầm trú ẩn cho xe quân sự và đặc biệt là ứng dụng để đổ bê tông trong các công trình hầm cầu, hệ thống giao thông.

Theo ông Nguyễn Minh Tiến, Phó phòng Kế hoạch vật tư (Công ty CP công nghiệp ô tô Vinacomin), bộ cốt pha này hoạt động bằng thủy lực sẽ thay thế việc đổ bê tông thủ công như hiện nay. Đặc biệt, hệ thống rất hiệu quả trong hầm lò khi giảm nhân công lao động, thao tác vận hành đơn giản dễ dàng, tăng mức độ an toàn, tiết kiệm thời gian và chi phí, tăng hiệu quả kinh tế. Hiện tại, Công ty CP Công nghiệp ô tô đã hoàn thành chế tạo 2 bộ cốt pha máng đổ bê tông hầm lò đầu tiên theo đơn đặt hàng cho Lữ đoàn Công binh (Bộ Quốc phòng).

Trước đó, Công ty CP Công nghiệp ô tô Vinacomin đưa vào vận hành robot hàn công nghệ Nhật Bản, có thể thay thế cho 10 công nhân làm việc trực tiếp với hiệu suất cao gấp 5 lần, tiết giảm 30% vật tư và cho ra những sản phẩm chất lượng tốt, mẫu mã đồng đều. Bên cạnh đó, còn có một số công trình, thiết bị máy móc được cải tiến đã đưa vào vận hành, mang lại hiệu quả cao như: hệ thống băng tải giằng chính Mạo Khê (giảm 70% nhân lực vận hành); tự

động hoá tuyến băng tải lò XV mức -300 Hà Lầm (giảm 40% nhân lực); hệ thống tự động hoá trạm quạt gió Công ty Than Núi Béo (giảm 50% nhân lực); hệ thống cấp phát quản lý nhiên liệu tự động (Công ty CP Vật tư); hệ thống giám sát lưu chuyển dòng than nhằm mục tiêu quản lý và giám sát chặt chẽ tài nguyên; hay như hệ thống xe sản xuất nhũ tương rời di động của Tổng công ty Hóa chất mỏ...

Có thể thấy, chủ trương tập trung triển khai ứng dụng công nghệ hiện đại vào tất cả các khâu sản xuất từ khai thác đến chế biến và vận chuyển của TKV đang phát huy hiệu quả. TKV cũng đã xác định "cơ giới hoá, tự động hóa" trong khai thác là đích đến, là giải pháp chiến lược cho bài toán nâng cao sản lượng đảm bảo cho sự phát triển bền vững của TKV.



Đổi mới công tác kinh doanh gắn với bản sắc văn hóa EVNNPC

Với tinh thần ONENNPC: một đội ngũ – một mục tiêu – một hành trình dựa trên sự tôn trọng – đồng thuận – đồng hành – đồng tâm hiệp lực, Tổng công ty Điện lực miền Bắc (EVNNPC) quyết tâm đổi mới công tác kinh doanh gắn với bản sắc văn hóa EVNNPC.

CẢM HẠNH

Tại hội nghị lãnh đạo trong Hành trình văn hóa EVNNPC 2018 diễn ra mới đây, một lần nữa EVNNPC thể hiện quyết tâm đổi mới công tác kinh doanh gắn với bản sắc văn hóa của doanh nghiệp.

Khách hàng là trung tâm

Theo Phó Tổng giám đốc EVNNPC Lê Quang Thái, trong 1 năm qua, tầm nhìn và sứ mệnh mới của Tổng công ty được ban hành với việc khẳng định khát vọng vươn tầm để trở thành một trong những Tổng công ty tốt nhất trong ngành và hội nhập quốc tế bằng chất lượng con người, dịch vụ xuất sắc, khoa học công nghệ cùng một văn hoá mạnh.

Chương trình đổi mới kinh doanh và dịch vụ khách hàng lấy "Khách hàng là trung tâm" sau một thời gian triển khai thí điểm

giờ đây cũng đã được đổi mới cách nghĩ, cách làm với phương châm "Đổi mới văn hoá làm nền tảng và động lực thúc đẩy đổi mới kinh doanh".

Theo ông Lê Quang Thái, mô hình đổi mới kinh doanh với 3 trụ cột và 1 nền tảng thể hiện được vai trò tư duy hệ thống và logic về một hệ sinh thái quản trị doanh nghiệp đầy đủ đó là: con người – quy trình – công nghệ và một nền tảng văn hóa doanh nghiệp mạnh.

"Hành trình văn hoá EVNNPC" đang ngày càng hiện thực và ngày càng gắn chặt với mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, tạo ra những giá trị mới giúp Tổng công ty thành công hơn, phát triển bền vững hơn.

Báo cáo của EVNNPC cho thấy, sau gần 1 năm thực hiện "Hành trình văn hoá" và chương trình "Khách hàng là trung tâm", đến nay, hơn 70% lãnh đạo các đơn vị đã và đang xúc tiến triển khai chương trình "Khách hàng là trung tâm" với trọng tâm hướng đến nâng tầm thái độ, kỹ năng, kiến thức cho đội ngũ cán bộ quản lý. Bên cạnh đó, hơn 200 cán bộ quản lý làm văn hóa doanh nghiệp nghiệp và hơn 350 cán bộ truyền thông của các đơn vị đã được đào tạo một cách chuyên nghiệp để làm công tác lan toả văn hoá.

Đối với chương trình "Hành trình văn hoá", phần lớn các đơn vị đều đã nghiêm túc triển khai trong đó có hơn 50% đơn vị có sự quan tâm tuyệt đối của lãnh đạo đơn vị nên tổ chức rất nghiêm túc và chuyên nghiệp, tạo nên những



Quyết tâm đổi mới công tác kinh doanh gắn với bản sắc văn hóa doanh nghiệp đang lan tỏa mạnh mẽ tại EVNNPC.

cảm nhận về sự đổi mới, thay đổi nhận thức cũng như thái độ rất tích cực cho cán bộ công nhân viên người lao động như tại: Nghệ An, Quảng Ninh, Hà Nam, Ninh Bình, Thanh Hoá, Sơn La, Thái Bình, Hoà Bình, Lai Châu, Hưng Yên.

Không ngừng đổi mới

Ông Lê Quang Thái khẳng định, để EVNNPC có một văn hoá doanh nghiệp vượt trội, phải có những đơn vị đi đầu, không ngừng cải tiến và đổi mới. Ở đơn vị nào mà lãnh đạo đứng đầu đã xây dựng được một nền tảng văn hoá cơ bản tốt, cơ quan ngăn nắp gọn gàng, giờ giấc làm việc, quy chế thực thi nghiêm như: PC Thái Bình, PC Quảng Ninh, PC Bắc Ninh... thì chúng ta phải nắm bắt nền tảng đó, tạo thêm động lực và cơ hội mới để cán bộ nhân viên ngày càng hoàn thiện hơn nữa những kỹ năng, phát huy hết được khả năng sáng tạo của mình, tránh tư tưởng tự hài lòng, thậm chí tự mãn, không lắng nghe nhu cầu mới, ý kiến mới sáng tạo...

Mặt khác, một số đơn vị có lãnh đạo mới, lãnh đạo trẻ như: Hà Nam, Lào Cai, Ninh Bình, chúng ta vừa phải củng cố nền móng văn hoá nhưng cũng cần mạnh mẽ, tiên phong đón đầu với những cái

mới, cơ hội mới của công nghệ, quản trị hiện đại và lãnh đạo đột phá. Có như vậy chúng ta mới nhanh chóng phát triển một cách hệ thống và vững mạnh.

Đi đầu và đổi mới là hết sức quan trọng song đối với kinh doanh dịch vụ khách hàng, đổi mới cần tạo ra chất lượng và hiệu quả, chất lượng dịch vụ phải được quản lý tốt, chuyên nghiệp song hành với chất lượng lưới điện.

Vấn đề này đã được EVNNPC quan tâm lâu nay nhưng với yêu cầu tình hình mới, với phong cách đổi mới - chuyên nghiệp - hành động - hiệu quả cao hơn, rõ ràng cần phải xây dựng một hệ thống quản trị chất lượng tốt hơn cùng một văn hoá dịch vụ xuất sắc đủ mạnh. Phó Tổng giám đốc EVNNPC khẳng định: "Chất lượng trong sản xuất kinh doanh là chất lượng của các cam kết của chúng ta với khách hàng, với Tập đoàn, với Tổng công ty. Nhưng để văn hoá ở EVNNPC có chất lượng ngày càng tốt đẹp hơn, chúng ta cần phải thay đổi nhiều về cách chúng ta quan hệ, ứng xử với nhau để cùng nhau hợp lực mạnh mẽ hơn".

Trong năm 2019, Tổng công ty dự kiến cùng lúc triển khai chương trình nâng cao nhận thức, kỹ năng, thái độ trong toàn hệ thống kinh doanh với một tư

tướng "Khách hàng là trung tâm" và một chiến lược "Nâng tầm dịch vụ với văn hoá dịch vụ xuất sắc".

Cụ thể, năm 2019, Tổng công ty sẽ thực hiện chương trình nâng tầm dịch vụ: lan toả văn hoá sáng tạo, cải tiến dịch vụ và cải tiến hệ thống kinh doanh, công tác thi dịch vụ xuất sắc sẽ tổ chức tại Nghệ An vào tháng 12/2018. Đồng thời, triển khai hệ thống phần mềm quản trị điều hành hoạt động kinh doanh - dịch vụ khách hàng tập trung mang tên E-Business gồm nhiều nhóm giải pháp tích hợp và thông minh để thực sự có một nền tảng quản trị kinh doanh số vào năm 2020.

EVNNPC cũng sẽ triển khai chương trình "Khách hàng là trung tâm" giai đoạn chuẩn bị và sẵn sàng cho 10 công ty điện lực trong năm 2018, đặc biệt kịp thời điều chỉnh ngay dự án tại các nơi không có tâm thế sẵn sàng tham gia để dành nguồn lực cho những đơn vị đang có mong muốn được triển khai sớm hơn, hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, Tổng công ty chuẩn bị tốt mọi mặt cho Công ty dịch vụ điện lực trong đó đặc biệt là mô hình quản lý và chiến lược mang tính mới, hiện đại theo đúng xu thế của thời đại ngày nay và nhu cầu của khách hàng, xã hội, phù hợp xu thế cạnh tranh sắp tới.

EVN HANOI

miễn phí trích nợ tự động trong thanh toán tiền điện

Thời gian qua, để tiện lợi cho các khách hàng thanh toán tiền điện, Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội (EVN HANOI) đã áp dụng nhiều phương thức thanh toán. Trong đó, thanh toán bằng hình thức trích nợ tự động qua tài khoản ngân hàng được nhiều người lựa chọn vì tính năng tiện dụng và mang lại hiệu quả cũng như tiết kiệm thời gian và chi phí cho khách hàng sử dụng điện trên địa bàn Thủ đô.

MAI CHI

Trong khi nhiều ngành dịch vụ ở Hà Nội còn thực hiện hình thức thanh toán bằng tiền mặt trực tiếp tại quầy giao dịch (thu nộp) qua nhân viên thu ngân, gây tốn kém thời gian đi lại, phát sinh chi phí, có thể nhầm lẫn trong quá trình giao dịch... thì EVN HANOI đã có một bước tiến dài về thu tiền điện. Đó là hàng tháng người sử dụng điện ở Thủ đô có thể đăng ký trích nợ tự động đối với việc thanh toán tiền điện của gia đình, doanh nghiệp.

EVN HANOI cho biết, thủ tục đăng ký thanh toán tiền điện qua ngân hàng rất đơn giản, người sử dụng điện chỉ cần đến ngân hàng (có hợp tác với điện lực mà người sử dụng điện có mở tài khoản), các giao dịch viên sẽ hướng dẫn đăng ký trích nợ tự động.

Ông Nguyễn Xuân Thắng, Trưởng Ban Kinh doanh EVN HANOI thông tin, trích nợ tự động tiền điện thông qua tài khoản ngân hàng giúp người sử dụng điện có thể thanh toán khối lượng lớn, giảm thiểu tình trạng sai sót thông tin, quản lý hóa đơn tiền điện chủ động, tiết kiệm thời gian, thanh toán an toàn và miễn phí thanh toán qua các ngân hàng.

Với phần mềm trích nợ tự động, người sử dụng điện có thể dễ dàng tra cứu, lịch sử thanh toán một cách thuận lợi. Trong trường hợp người sử dụng có thắc mắc có thể thông tin tới số điện thoại nóng là 19001288 - (024)22222000 của EVN HANOI để được giải đáp kịp thời.



EVN HANOI đa dạng hóa, hiện đại hóa hình thức thanh toán tiền điện.

Cũng theo ông Nguyễn Xuân Thắng, Trưởng Ban Kinh doanh EVN HANOI, tính đến nay, EVN HANOI ký kết hợp đồng hợp tác với 17 ngân hàng và 5 tổ chức trung gian thanh toán gồm: Vietcombank, VietinBank, BIDV, ABBank, Techcombank, Agribank, MBbank, LienVietPostBank, HDBank, Sacombank, ACB, SHB, VIB, SCB, MaritimeBank, Eximbank, OCB, ECPay, MoMo, Bankplus, Payoo, VTCPay nên việc thanh toán trích nợ tự động sẽ vô cùng thuận lợi.

Ông Nguyễn Xuân Thắng nhấn mạnh, khi thanh toán tiền điện trích nợ tự động, ngành điện chỉ có mục đích là gắn kết với khách hàng sử dụng điện cũng như tiết kiệm thời gian và công sức cho khách hàng trên địa bàn TP Hà Nội. Bên cạnh hình thức thanh toán tự động, EVN HANOI vẫn duy trì hình thức thanh toán truyền thống như: thanh toán qua Internet banking/Mobile banking, thanh toán tại phòng giao dịch các ngân hàng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, thanh toán qua ví điện tử, thanh toán tại phòng giao dịch khách hàng của các công ty điện lực... nên không ảnh hưởng gì tới người sử dụng điện có thói quen thanh toán theo cách thức cũ.

Qua khảo sát tại một số quận, huyện trên địa bàn Hà Nội, tỷ lệ người sử dụng điện thực hiện phương thức thanh toán trích nợ tự động ở quận Hai Bà Trưng đạt 10,5%; quận Đông Anh đạt trên 10%; quận Đống Đa gần 16% và quận Bắc Từ Liêm đạt 20%.





Xây dựng kịch bản tiết kiệm năng lượng cho ngành thủy sản và gỗ Việt

Đầu tháng 11, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Hội đồng Doanh nghiệp về sự Phát triển Bền vững Việt Nam tổ chức hội thảo chia sẻ các giải pháp năng lượng bền vững ngành chế biến gỗ và thủy sản ở Việt Nam.

TÂM AN

Theo ông Trịnh Quốc Vũ – Phó Vụ trưởng Vụ Tiết kiệm năng lượng và phát triển bền vững (Bộ Công Thương), cùng với sự phát triển của nền kinh tế, nhu cầu sử dụng năng lượng của Việt Nam đã tăng trưởng rất cao trong thời gian qua. Trong giai đoạn 2001 – 2020, nhu cầu năng lượng tăng khoảng 10%, trong đó, nhu cầu về điện tăng 13%/năm giai đoạn 2001- 2010, và giai đoạn 2011- 2015, do tác động của các chính sách về tiết kiệm năng lượng tốc độ

tiêu thụ điện đã giảm 2%, xuống còn 10 - 10,5%.

Phát thải khí nhà kính từ ngành năng lượng chiếm khoảng 63% tổng phát thải khí nhà kính của Việt Nam năm 2010 và sẽ chiếm khoảng 83% và 86% vào năm 2020 và 2030. Trong tương lai, các nguồn năng lượng sơ cấp sẽ không đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ năng lượng của nền kinh tế. Việt Nam chuyển từ nước xuất khẩu năng lượng sang nước nhập siêu năng lượng. Cụ thể, hiện chúng ta đã phải nhập khẩu than cho các nhà máy phát điện ở miền Trung và miền Nam.

Dự kiến, từ năm 2023 trở đi, Việt Nam sẽ nhập khẩu khí hóa lỏng LPG từ năm 2023 cho phát điện. Trong tương lai, chúng ta ngày càng phụ thuộc vào nguồn năng lượng nhập khẩu.

Trong thời gian qua, Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách liên quan đến sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Cụ thể, trong lĩnh vực công nghiệp quy trách nhiệm của các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm; ban hành các thông tư quy định mức tiêu thụ năng lượng cho các ngành công nghiệp trọng điểm; hỗ trợ tiết kiệm năng lượng và xây dựng hệ thống quản lý năng lượng...

Đối với ngành thủy sản, hiện Bộ Công Thương đang xây dựng Thông tư quy định định mức tiêu hao năng lượng trong ngành chế biến thủy sản với 2 sản phẩm chủ đạo là tôm đông lạnh và cá da trơn đông lạnh. Theo đó, dự thảo thông tư quy định mức tiêu hao năng lượng giai đoạn 2019 - 2025 sản phẩm cá da trơn là 1.050 kWh/tấn sản cá tương đương, tôm 2.050 kWh/tấn sản phẩm tôm tương đương; giai đoạn 2026 – 2030, sản phẩm cá da trơn là 900 kWh/tấn sản cá tương đương và tôm là 1.625 kWh/tấn sản phẩm tôm tương đương.

Cũng theo ông Trịnh Quốc Vũ, lựa chọn tôm và cá da trơn vì 2 sản phẩm này dễ quy định về định mức tiêu hao năng lượng

Lý do chọn tôm và cá da trơn trong việc xây dựng chương trình giải pháp năng lượng ngành chế biến thủy sản ở Việt Nam, ông Đỗ Kim Cương, đại diện Công ty Tư vấn EPRO cho biết: Đây là 2 tiểu ngành mang lại giá trị xuất khẩu lớn nhất cho ngành thủy sản. Tiềm năng phát triển đối với 2 tiểu ngành này rất cao. Các xí nghiệp của 2 tiểu ngành này có mức độ chuyên môn hóa cao, quy mô thường tương đối lớn. Các xí nghiệp thuộc 2 tiểu ngành này được quản lý sản xuất tốt và thiết bị lạnh thường được trang bị tốt hơn so với các xí nghiệp khác. Kết quả từ 2 tiểu ngành này sẽ làm căn cứ để nhân rộng ra các tiểu ngành khác.

Chia sẻ về kết quả kiểm toán năng lượng đối với sản phẩm tôm và cá da trơn, ông Đỗ Kim Cương thông tin, hai tiểu ngành này đều có tiềm năng tiết kiệm điện cao: 41% đối với cá và 49% đối với tôm. Nguyên nhân dẫn đến lãng phí điện bao gồm cả điều hành sản xuất vận hành bảo dưỡng thiết bị cũng như hệ thống lạnh, chất lượng thiết bị. Trong đó, phần lãng phí do điều hành sản xuất, vận hành thiết bị vẫn là lớn nhất.

Đối với cá tra, 65% điện lãng phí là do điều hành sản xuất, vận hành bảo dưỡng thiết bị và do chạy non tải, chỉ có 35% là do bản thân thiết bị. Con số tương ứng đối với tôm lần lượt là 59% và 41%. Tổng tiêu thụ 2 tiểu ngành 953 triệu kWh, tiềm năng tiết kiệm 296 triệu kWh (45% so với định mức).

Theo ông Cương, với các giải pháp không tốn chi phí đầu tư hoặc tốn rất ít chi phí đầu tư có thể giảm đáng kể lượng điện tiêu thụ trong ngành thủy sản đông lạnh. Tổng tiêu thụ ngành thủy sản đông lạnh ước tính khoảng 2 tỷ kWh/năm, có thể giảm điện tiêu thụ ít nhất 15% bằng các giải pháp tốn ít hoặc không mất chi phí đầu tư (tiết kiệm 300 triệu kWh/năm). Những thiết bị lạnh khác, chẳng hạn như điều hòa nhiệt độ, hàng năm tiêu thụ khoảng 36 tỷ kWh và có tiềm năng tiết kiệm tối thiểu 25%. Nếu có chương trình dài hạn áp dụng triệt để các

giải pháp tiết kiệm điện hàng năm có thể tiết kiệm một lượng điện rất lớn.

Liên quan đến ngành gỗ, ông Nguyễn Quốc Khánh – chuyên gia tư vấn năng lượng chia sẻ, tiêu thụ năng lượng ngành gỗ năm 2015 chiếm 2,32% lĩnh vực công nghiệp và 1% của quốc gia. Tổng phát thải nhà kính 1,26 triệu tấn CO2 và gần như hoàn toàn là phát thải gián tiếp. Nhu cầu năng lượng ngành chế biến gỗ dự báo tăng với tốc độ trung bình 8%/năm giai đoạn 2015 - 2030. Cui vụn vẫn là năng lượng được sử dụng nhiều nhất. Phát thải khí nhà kính tăng 10%, cao hơn tốc độ tăng nhu cầu năng lượng và khu vực sản xuất đồ gỗ vẫn là khu vực có phát thải lớn nhất.

Theo ông Khánh, xây dựng kịch bản năng lượng bền vững cho ngành này với 20 giải pháp được nhận diện. Thực hiện theo kịch bản này giúp nhu cầu năng lượng tăng với tốc độ thấp hơn 7,2%. Phát thải khí nhà kính giảm 5,6% năm 2020 và 14,9% năm 2030, giảm 787 nghìn tấn CO2, tương đương 1,26% mức cam kết thỏa thuận Paris. Giải pháp được đưa ra đối với các doanh nghiệp trong ngành chế biến gỗ như lựa chọn các công nghệ thiết bị hiện đại, thực hiện các giải pháp quản lý phía cầu để giảm chi phí tiền điện, giám sát sử dụng năng lượng...

Tại hội thảo, ông Nguyễn Quang Vinh, Tổng Thư ký VCCI nhấn mạnh, cần tìm ra mô hình hợp tác công tư để phối hợp triển khai các chương trình hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp thực hiện mục tiêu phát triển bền vững về năng lượng Việt Nam là hướng đi quan trọng. Đây sẽ là cách hữu hiệu để khuyến khích năng lượng xanh, sạch, tái tạo, đặc biệt trong ngành kinh tế.



Mô hình LNG cho tổ hợp khí - điện tại Sơn Mỹ - Bình Thuận

Mới đây, Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV GAS) đăng cai tổ chức hội thảo “Mô hình khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) cho tổ hợp khí - điện tại Sơn Mỹ - Bình Thuận” tại TP HCM.

ĐÌNH TÚ

Nhiệt điện Sơn Mỹ là nhà máy điện tuabin khí chu trình hỗn hợp, sử dụng khí thiên nhiên hóa lỏng - LNG nhập khẩu. Trong đó, LNG sẽ được nhập khẩu thông qua dự án kho cảng nhập LNG của PV GAS nằm tại khu công nghiệp Sơn Mỹ 1, dự kiến đi vào hoạt động sau 2020 với công suất giai đoạn 1 là 3,6 triệu tấn LNG/năm và giai đoạn 2 là 6 triệu tấn LNG/năm.

Dự án Nhà máy nhiệt điện Sơn Mỹ 1 có công suất 2.000 MW với 3 tổ máy, dự kiến đi vào hoạt động từ năm 2027 theo quy hoạch điện điều chỉnh. Dự án nằm trong Tổ hợp chuỗi dự án Nhiệt điện Sơn Mỹ bao gồm: Nhà máy nhiệt điện Sơn Mỹ 1, 2 và 3, được xây dựng tại xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (trong Khu liên hợp Công nghiệp dịch vụ - dầu khí Sơn Mỹ) có tổng công suất 4.000MW.

Tại hội thảo này, các bên đã cập nhật tình hình chuỗi dự án LNG Sơn Mỹ; trao đổi kinh nghiệm về nhiều nội dung liên quan đến lĩnh vực LNG, trong đó đáng chú ý có nội dung chia sẻ kinh nghiệm liên quan đến việc đàm phán nhập khẩu LNG; cấu trúc thương mại và cách thức tổ chức của các dự án thuộc chuỗi LNG; việc tổ chức phối hợp giữa các bên cũng như các quy định và thẩm quyền của các cơ quan chức năng liên quan đến việc triển khai dự án. Ngoài ra, trước sự quan tâm của đối tác đến dự án kho cảng LNG Sơn Mỹ, PV GAS cũng cho biết,



đơn vị này luôn chào đón sự tham gia của các nhà đầu tư có kinh nghiệm và phù hợp trong việc đầu tư phát triển dự án.

Kết thúc hội thảo, lãnh đạo và đại diện các bên đều nhất trí sẽ thúc đẩy hơn nữa sự trao đổi hợp tác các bên để tận dụng triệt để các cơ hội hợp tác trong tương lai. Bà Valerie Dijkstra - Giám đốc dự án Sơn Mỹ 1 cũng cho biết, các bên sẽ xem xét việc tổ chức các tổ công tác để phối hợp, triển khai đàm phán Hợp đồng mua khí (GSA) cũng như ký kết các văn bản để tạo cơ sở cho việc hợp tác giữa các bên trong thời gian tới.

Do chỉ chiếm 1/600 thể tích so với khí thiên nhiên ở điều kiện tiêu chuẩn (15 độ C, 1 atm), khí thiên nhiên hóa lỏng - LNG là sản phẩm khí thuận tiện cho việc tồn trữ, vận chuyển từ nơi sản xuất đến các thị trường tiêu thụ trên thế giới. Phương tiện vận chuyển chủ yếu hiện nay là các tàu LNG với tải trọng từ 170.000 m³ đến 260.000 m³, trong đó tải trọng phổ biến nhất là từ 155.000 m³ đến 170.000 m³.

Sau khi được vận chuyển đến nơi tiêu thụ, LNG được chuyển trở lại trạng thái khí khi đi qua thiết bị tái hóa khí, sau đó được bơm vào đường ống

vận chuyển đến các hộ tiêu thụ. LNG được sử dụng tương tự như khí khô phục vụ cho nhu cầu khí của các nhà máy điện, hộ công nghiệp, khu đô thị.

Hiện nay, ở nhiều nước trên thế giới LNG còn được sử dụng làm nhiên liệu cho các phương tiện giao thông vận tải: tàu biển, tàu hỏa và xe vận tải nặng để giảm thiểu ô nhiễm môi trường.





IEA: Khí gas sẽ thay than đá trở thành nguồn năng lượng lớn thứ hai thế giới

Trong một báo cáo mới được công bố, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) cho biết, khí đốt tự nhiên dự kiến sẽ vượt qua than đá trở thành nguồn năng lượng lớn thứ hai thế giới sau dầu vào năm 2030 do động lực giảm thiểu ô nhiễm không khí và sự gia tăng sử dụng khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG).

NHÃ QUYÊN

Theo đó, trong Báo cáo Triển vọng Năng lượng thế giới 2018, IEA cho rằng, nhu cầu khí đốt toàn cầu sẽ tăng 1,6% trong 1 năm đến năm 2040 và sẽ cao hơn 45% so với ngày nay.

Ước tính trên dựa vào “Kịch bản Chính sách mới” của IEA

với pháp chế cùng những chính sách nhằm giảm phát thải và thích ứng biến đổi khí hậu. Báo cáo cũng cho rằng, hiệu suất năng lượng trong việc sử dụng nhiên liệu, xây dựng và những ngành khác sẽ tốt hơn.

“Khí gas tự nhiên là nhiên liệu hóa thạch tăng trưởng nhanh nhất trong “Kịch bản

Chính sách mới”, vượt qua than đá vào năm 2030 để trở thành nguồn năng lượng lớn thứ hai thế giới sau dầu”, báo cáo cho biết.

IEA cho biết, Trung Quốc - nước nhập khẩu than và dầu mỏ lớn nhất thế giới sẽ sớm trở thành nước nhập khẩu khí đốt và nhập khẩu ròng lớn nhất sẽ tiếp cận mức của Liên minh châu Âu vào năm 2040. Dựa trên dữ liệu của Tổng cục Hải quan nước này, Trung Quốc đã vượt Nhật Bản trở thành nước nhập khẩu khí đốt tự nhiên hàng đầu thế giới. Mặc dù Trung Quốc là nước sử dụng khí đốt tự nhiên lớn thứ ba thế giới sau Mỹ và Nga nhưng nước này phải nhập khẩu khoảng 40%

nhu cầu của mình vì sản xuất trong nước không thể theo kịp. Các nền kinh tế mới nổi ở châu Á sẽ chiếm khoảng một nửa tổng nhu cầu khí đốt toàn cầu và tỷ lệ nhập khẩu LNG của họ sẽ tăng gấp đôi lên 60% vào năm 2040.

Theo IEA, Mỹ sẽ chiếm 40% tổng sản lượng khí đốt vào năm 2025 trong khi các nguồn khác sẽ tiếp tục do sản lượng khí đá phiến của Mỹ giảm và các quốc gia khác bắt đầu chuyển sang các phương pháp sản xuất khí độc đáo khác. IEA dự đoán, từ nay đến năm 2040, nhu cầu điện toàn cầu được dự đoán sẽ tăng khoảng 60%, chủ yếu là do sử dụng gia tăng ở các nền kinh tế đang phát triển. Điện sẽ chiếm 1/4 năng lượng được sử dụng bởi người dùng cuối cùng như người tiêu dùng và ngành công nghiệp vào năm 2040.

IEA cũng cho biết, tất cả các nguồn điện tái tạo bao gồm cả thủy điện sẽ chiếm 70% sản lượng điện gia tăng. Hỗ trợ của

chính phủ các nước và sự tiến bộ công nghệ đã khiến giá điện sản xuất từ các nguồn tái tạo giảm xuống, trong đó giá điện từ năng lượng mặt trời được dự đoán sẽ tiếp tục giảm hơn 40% từ nay đến năm 2040.

Trong khi đó, tỉ trọng điện sản xuất từ than đá sẽ giảm từ 40% như hiện tại xuống còn 25%. Vì vậy, các nguồn năng lượng tái tạo được cho là sẽ “lội ngược dòng” và thế chỗ của than đá. Dù sự gia tăng của năng lượng tái tạo sẽ có lợi cho môi trường nhưng điều này sẽ đặt ra một thách thức, đặc biệt là vì những nguồn năng lượng này phụ thuộc vào các điều kiện tự nhiên như mặt trời và gió.

Chính phủ các nước và các công ty năng lượng sẽ phải đầu tư hơn 2.000 tỉ USD/năm vào các nguồn cung năng lượng mới, cải cách các thị trường năng lượng và theo đuổi các công nghệ mới.



IEA thậm chí còn nêu ra viễn cảnh nhu cầu điện tăng đến 90% từ nay đến năm 2040 chứ không chỉ 60% như nêu trên. Sự gia tăng này tương đương gấp 2 lần nhu cầu điện hiện tại của Mỹ. IEA cho rằng, khi mà 50% số phương tiện hoạt động bằng điện thì chất lượng không khí sẽ được cải thiện đáng kể.



6 tập đoàn Bộ Công Thương chuyển sang Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp

6 Tập Đoàn, doanh nghiệp gồm Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tập đoàn công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam (TKV), Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (VINACHEM), Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (PETROLIMEX) và Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam (VINATABA) vừa được Bộ Công Thương bàn giao sang Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

THANH PHƯƠNG



Ngày 10/11, Bộ Công Thương và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã ký biên bản bàn giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp từ Bộ Công Thương về Ủy ban.

Bộ trưởng Bộ Công Thương Trần Tuấn Anh cho biết, đây đều là những doanh nghiệp có vốn hóa cao, tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ hiện tại trên 55% nghìn tỷ đồng tại các doanh nghiệp này (bằng 1/2 tổng số vốn nhà nước mà Ủy ban nắm giữ trên tổng 19 doanh nghiệp

chuyển về Ủy ban). 6 doanh nghiệp do Bộ Công Thương nắm quyền đại diện chủ sở hữu đều là các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty mạnh trong lĩnh vực và có ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế và đóng góp cho ngân sách nhà nước như: điện, than, dầu khí, xăng dầu, thuốc lá, hóa chất.

Trước thời điểm bàn giao, các công việc liên quan giữa hai cơ quan đã được làm rõ, trên tinh thần đảm bảo không làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tuân thủ các quy định hiện hành. Hai cơ quan xác định cơ chế phối hợp để tiếp tục chỉ đạo và quản lý doanh nghiệp hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018, thực hiện sắp xếp đổi mới doanh nghiệp theo phương án đã được phê duyệt.

Nội dung bàn giao gồm các tài liệu pháp lý của doanh nghiệp như: Quyết định thành lập doanh nghiệp; điều lệ tổ chức và hoạt động; quyết định phê duyệt Kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm



của doanh nghiệp; quyết định phê duyệt Quy chế tài chính, vốn điều lệ; quyết định bổ nhiệm các chức danh; báo cáo tài chính hợp nhất...

Theo Bộ trưởng Bộ Công Thương, việc bàn giao các

doanh nghiệp nhà nước về Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp là một sự thay đổi lớn, thể chế hóa và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 5 khóa XII về thành lập

cơ quan chuyên trách làm đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước tại doanh nghiệp; qua đó, khắc phục những tồn tại, hạn chế của mô hình thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước hiện nay bằng việc hình thành một cơ quan đại diện chủ sở hữu chuyên trách, chuyên nghiệp và có trách nhiệm giải trình đầy đủ.

Bên cạnh đó, việc tách bạch chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp ra khỏi các cơ quan quản lý hành chính nhà nước là cần thiết để: kiến tạo môi trường kinh doanh bình đẳng cho các cơ quan nhà nước tập trung năng lực vào thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước ngày càng phức tạp trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội.



Phát triển thị trường khí gas Việt Nam

Tham gia hội thảo “Thách thức và triển vọng thị trường gas” mới diễn ra tại Hà Nội, nhiều chuyên gia cho rằng, để phát triển thị trường khí gas trong giai đoạn hiện nay cần nâng cao hiệu quả kinh doanh khí, củng cố vị thế của doanh nghiệp trên thị trường, tập trung phát triển hạ tầng cho sản xuất điện khí và chống gian lận thương mại trong lĩnh vực khí.

TIẾN ĐẠT

Hội thảo “Thách thức và triển vọng thị trường gas” diễn ra sáng 14/11, tại Hà Nội. Hội thảo do Tạp chí Kinh tế và Dự báo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) phối hợp với Viện Nghiên cứu chiến lược và cạnh tranh phối hợp tổ chức với sự đồng hành của Tổng công ty khí Việt Nam (PV Gas).

Giới thiệu tổng quan về thị trường khí gas, ông Đỗ Trọng Hiếu, Phó Trưởng phòng Phân phối hàng hoá và Dịch vụ thương mại, Vụ Thị trường trong nước, Bộ Công Thương cho biết, tốc độ tăng trưởng thị trường LPG trong

5 năm gần đây luôn đạt trên 12%. Về cơ cấu tiêu thụ, ngành công nghiệp và giao thông chiếm 35%; 65% còn lại thuộc về các cơ sở thương mại, dịch vụ và tiêu thụ dân dụng. Trong khi đó, về cơ cấu nguồn cung, hiện trong nước đáp ứng 45% và 55% là nguồn nhập khẩu.

Theo ông Hiếu, hiện có 2 đơn vị sản xuất, chế biến LPG là Nhà máy GPP Dinh Cố và Nhà máy lọc dầu Dung Quất; 32 thương nhân kinh doanh được cấp chứng nhận đủ điều kiện; trên 80 thương nhân kinh doanh LPG có nhãn hiệu trên thị trường và khoảng 13 nghìn

cửa hàng kinh doanh LPG trên toàn quốc.

“Hệ thống cơ sở vật chất kinh doanh LPG hiện có 1 kho chứa dung tích 60 nghìn tấn tại Vũng Tàu, 50 kho chứa tổng dung tích 220 nghìn m³ của các công ty kinh doanh LPG và 35 cầu cảng được sử dụng để nhập LPG, gần 200 trạm nạp đủ điều kiện, 72 trạm nạp hoạt động độc lập khác cùng 4 trạm cấp LPG cho dân cư”, ông Hiếu thông tin.

Chia sẻ tại hội thảo, bà Ngô Thuý Quỳnh, Phó Vụ trưởng Vụ Dầu khí và than, Bộ Công Thương cho biết, ngày 16/1/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 60/QĐ-TTg phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 với đầy đủ các mục tiêu, định hướng phát triển ngành này. Cùng với đó, Chính phủ cũng ban hành Nghị định số 87/NĐ-CP ngày 15/6/2018 quy định chi tiết về lĩnh vực kinh doanh LPG theo hướng tạo thuận lợi cho các thương nhân sản xuất, chế biến và kinh doanh LPG.

“Hiện nay, cấu trúc thị trường khí Việt Nam đang ổn định và vận hành tốt, đảm bảo mục tiêu kiểm soát và điều tiết của Chính phủ”, bà Quỳnh đánh giá.

Tuy nhiên, theo ông Trần Việt Ngãi, Chủ tịch Hiệp hội Năng lượng Việt Nam, trong thời gian

tới, nguồn cung trong nước sẽ dần giảm, nhất là nguồn cung LNG phục vụ sản xuất điện sẽ phải nhập khẩu. Cụ thể, sản lượng khí khai thác của Tập đoàn Dầu khí khoảng 10 tỷ m³/năm và đang có dấu hiệu giảm dần. Trong khi đó, theo cơ cấu nguồn điện đến năm 2050 thì điện than sẽ giảm còn các nguồn năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, sinh khối...) mới trong giai đoạn đầu phát triển và chưa có đóng góp nhiều cho phụ tải.

Ông Ngãi nhận định, việc phát triển điện LNG là xu thế tất yếu và rất cần thiết. Với nguồn cung sẵn có, chúng ta chỉ cần xây dựng hệ thống kho, cảng và quan trọng nhất là điện LNG giúp bảo vệ môi trường tốt.

Dù nhận định khả quan về xu hướng phát triển của thị trường gas song các đại biểu tham gia hội thảo cũng cho rằng, hiện vẫn tồn tại nhiều khó khăn, rào cản. Theo đó, với sản phẩm LPG, ông Đỗ Trọng Hiếu chỉ rõ, chi phí kinh doanh quá cao khiến giá thành LPG đến tay người tiêu dùng luôn ở mức cao.

“Hiện tổng đại lý chiết khấu cho các cửa hàng khoảng 60 nghìn đồng/bình và cửa hàng chi thêm 20 - 25 nghìn đồng chi phí vận

chuyển đến tay khách hàng nên giá cuối cùng khách hàng phải trả là khá cao”, ông Hiếu chia sẻ.

Ông Hiếu cho biết, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục rà soát những quy định về kinh doanh khí gas để có những điều chỉnh phù hợp trong thời gian tới.

Ông Trần Trọng Hữu, Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hiệp hội Gas Việt Nam nêu thực trạng thương nhân sang triết trái phép, thu gom, chiếm dụng vỏ bình gas của nhau, thậm chí “cắt tai, mài vỏ”, thay đổi kết cấu vỏ bình gây nguy cơ cháy nổ rất lớn. Vì thế mà ông Hữu kiến nghị Nhà nước xem xét bỏ quy định về các doanh nghiệp được quyền thuê, cho thuê bình gas. Đồng thời cần có quy định rõ ràng về quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu bình gas, đặc biệt là quyền được nhận lại bình gas bị chiếm dụng trái phép và quyền được yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Trong khi đó, với LNG nhập khẩu, ông Bùi Thành Trung, cán bộ cao cấp của Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) cho biết, hiện Việt Nam nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc, Quata, Ả-rập Xê-út và Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất qua đường biển. Hệ thống cầu

cảng hiện có công suất nhỏ, khả năng đón các tàu tải trọng lớn rất khó khăn khiến chi phí nhập khẩu tăng cao. Theo ông Trung, để nhập khẩu LNG phục vụ phát điện, trước hết cần có quy hoạch tổng thể, các quy định chi tiết về hệ thống hạ tầng, từ kho chứa, cầu cảng, nhà máy điện khí... từ đó có giải pháp đầu tư đồng bộ, hiệu quả.

Có cùng quan điểm, ông Trần Việt Ngãi cho rằng, Nhà nước cần sớm có quy hoạch phát triển điện khí đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050, trong đó tính toán, đưa ra số liệu cảng chi tiết càng tốt về nhu cầu phụ tải điện LNG để có kế hoạch sản xuất, nhập khẩu phù hợp. Bên cạnh những nhà máy đang có, quy hoạch cần xác định địa điểm đặt các nhà máy mới đảm bảo đồng thời hiệu quả phát, cung ứng điện và chi phí nhiên liệu đầu vào là LNG liên quan, như: hệ thống kho, cảng, đường ống... đồng bộ.

Ông Ngãi cũng cho rằng, một yếu tố quan trọng để thu hút đầu tư vào điện LNG là giá nhiên liệu và giá bán điện. Nếu không có quy định cụ thể thì rất khó thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực này.





Công trình xanh cần ưu tiên trong phát triển thành phố thông minh

Ông Nguyễn Hữu Dũng, Chủ tịch Hội Môi trường xây dựng Việt Nam cho rằng, các chương trình phát triển đô thị xanh và đô thị bền vững, phát triển nhà ở xanh cần được các chính quyền đô thị coi là mục tiêu phát triển mang tính chiến lược ưu tiên trước mắt trong lộ trình phát triển thành phố thông minh.

HUYỀN CHÂU

Theo ông Dũng, phát triển đô thị xanh và công trình xanh là một nội dung trong Chương trình quốc gia về tăng trưởng xanh. Đầu tư vào công trình xanh sẽ góp phần bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên, thân thiện với môi trường, chi phí sử dụng thấp, đảm bảo sức khỏe người sử dụng, tuổi thọ công trình cao (giảm khoảng 30 - 35% lượng khí thải carbon, tiết kiệm từ 30 - 50% lượng nước sử dụng)...

Đối với các công trình nhà ở gia đình thấp tầng, các nhà ở căn hộ thương mại phân khúc thu nhập trung bình và nhà ở giá rẻ cho các gia đình thu nhập trung bình hoặc thấp, khi xây dựng mới và cải tạo chỉnh trang được công nhận xanh cần có tác tiêu chí thiết thực và đơn giản. Thứ nhất

là tạo được các không gian xanh đơn giản, các vườn mái. Thứ hai là tiết kiệm năng lượng và nước sinh hoạt thông qua các giải pháp thiết kế cách nhiệt, thông gió, áp dụng các thiết bị năng lượng tái tạo, tiết kiệm nước đã được dán nhãn... Cuối cùng là sử dụng vật liệu xanh, vật liệu không nung, vật liệu tái chế. Những giải pháp tận dụng được yếu tố tự nhiên cho công trình chắc chắn sẽ giúp tiết kiệm chi phí xây dựng.

Do vậy, ông Dũng cho rằng, cần vận động và hỗ trợ phát triển nhà ở xanh một cách rộng rãi tới phân khúc các dự án khu dân cư, nhà ở xã hội, nhà ở giá rẻ tại các đô thị. Hiện nay, phần lớn các công trình và khu nhà đạt tiêu chí "xanh" thuộc phân khúc nhà ở thương mại tiêu chuẩn cao cấp, biệt thự gia đình có thu nhập cao. Bên cạnh đó, các chương trình

phát triển đô thị xanh và đô thị bền vững, phát triển nhà ở xanh cần được các chính quyền đô thị coi là mục tiêu phát triển mang tính chiến lược ưu tiên trước mắt trong lộ trình phát triển thành phố thông minh.

Cũng với ý nghĩa đó, PGS. TS.KTS. Hoàng Mạnh Nguyên, Giám đốc Viện Đô thị Xanh Việt Nam lý giải thêm, phát triển một dự án nhà ở xanh cần bắt đầu từ sự cân đối giá trị từ nhiều góc độ của các bên tham gia. Không chỉ lợi ích của chủ đầu tư mà lợi ích của cư dân, cộng đồng đô thị cũng cần được quan tâm. Các dự án nhà ở cần được quan tâm thiết kế để không làm gia tăng áp lực lên hạ tầng kỹ thuật và xã hội của đô thị, không trở thành các nguyên nhân làm tắc đường, ô nhiễm...

"Nhà ở xanh không phải là công trình thông thường được thêm thắt các yếu tố xanh. Chi phí phụ trội trong xây dựng nhà ở xanh nên được xem như một khoản đầu tư dài hạn, giúp chủ đầu tư rút ngắn thời gian hoàn vốn thông qua tiết kiệm tài nguyên, giảm chi phí vận hành, cải thiện sử dụng và tăng hiệu suất làm việc của người sử dụng, thụ hưởng", ông Nguyễn nhấn mạnh.



Theo KTS. Phạm Thanh Tùng, đô thị là ngôi nhà lớn của cộng đồng nên cần sự chung tay chăm sóc của cả cộng đồng thì mới có đô thị xanh ở cấp độ Việt Nam, trên nền tảng lối sống và địa khí hậu của Việt Nam.

"Để một công trình xanh hiện diện cần có rất nhiều đơn vị cùng chung tay. Rất nhiều chủ đầu tư đang cố gắng để xây dựng những tòa nhà xanh mà ở đó con người

được sống thoải mái, hạnh phúc. Nhưng nhà đầu tư khi bán không thể quan tâm hết được người mua là ai, người dân tộc nào, công việc là gì... Thế nên trong cùng một tòa nhà thôi đã có rất nhiều sự va đập xã hội, va đập văn hóa... Thế mới thấy công trình xanh không chỉ là câu chuyện của riêng ai, mà là của mọi người. Nhưng cần có người cầm trịch - là chính quyền đô thị", KTS. Phạm Thanh Tùng chia sẻ.



Kết nối thành phố thông minh khu vực

ASEAN

Tại Hội nghị cấp cao của Hiệp hội Các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) lần thứ 33 vừa diễn ra mới đây các nước ASEAN đã nhất trí thực hiện tầm nhìn về một ASEAN sáng tạo và linh hoạt, nâng cao khả năng phục hồi và tự cường để xây dựng một cộng đồng ASEAN kết nối.

TUẦN KIỆT (T/H)



Theo tin từ tờ Strait Times của Singapore, trên cơ sở sự thống nhất tại các cuộc họp quan chức cấp cao ASEAN (SOM ASEAN), tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần này, các nhà lãnh đạo ASEAN tập trung vào hai sáng kiến để hiện thực hóa tầm nhìn về một khu vực kết nối tự cường và sáng tạo. Đó là sáng kiến thành lập Mạng lưới các thành phố ASEAN thông minh và tăng cường hợp tác an ninh mạng. Sáng kiến thành lập Mạng lưới các thành phố ASEAN thông minh được Chủ tịch ASEAN 2018 là Singapore đề xuất tại hội nghị cấp cao diễn ra hồi tháng 5.

26 thành phố tham gia Mạng lưới thành phố thông minh bao gồm: Singapore (Singapore); Manila, Cebu và Davao (Philippines), Bandar Seri Begawan (Brunei); Bangkok, Chonburi và Phuket (Thái Lan); Banyuwangi, Jakarta và Makassar (Indonesia); Battambang, Phnom Penh và Siem Reap (Campuchia), Johor Bahru, Kota Kinabalu, Kuala Lumpur và Kuching (Malaysia); Luang Prabang và Vientiane (Lào); Mandalay, Nay Pyi Taw và Yangon (Myanmar) Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và Đà Nẵng (Việt Nam). Các thành phố xây dựng những chương trình hành động cụ thể, thúc đẩy việc hợp tác với các đối tác để triển khai thực hiện những mục tiêu đã đặt ra trong việc phát triển thành phố thông minh, hướng đến lợi ích của người dân.

Mục tiêu chính của các nước khi tham gia mạng lưới này là

cùng ASEAN xây dựng một hệ sinh thái chung, tận dụng công nghệ và kỹ thuật số để cải thiện đời sống của người dân tại các thành phố tham gia mạng lưới cũng như tạo sự liên kết với các thành phố khác trong khu vực, xây dựng nền tảng cho sự phát triển bền vững, lâu dài của mỗi quốc gia và cả khu vực.

Đến năm 2030, dự kiến sẽ có thêm 90 triệu người trong khu vực sống ở các đô thị, trong đó, các thành phố cỡ vừa (từ 200.000 đến 2 triệu dân), đóng góp khoảng 40% tăng trưởng của khu vực. Tiến trình đô thị hóa sẽ mang lại nhiều cơ hội cuộc sống và việc làm, song cũng sẽ làm trầm trọng thêm các thách thức như nạn kẹt xe, chất lượng nước, không khí, khoảng cách giữa nông thôn và thành thị, vấn đề an ninh, an toàn cho người dân.

Để đáp ứng xu thế phát triển và giảm thiểu được các tác động tiêu cực của quá trình đô thị hóa, các nước thành viên đã thống nhất kế hoạch hành động xây dựng 26 thành phố thông minh ASEAN, cũng như danh mục các dự án kêu gọi hợp tác, hỗ trợ trong việc xây dựng các thành phố thông minh của khối.

Kế hoạch chuyển đổi nền kinh tế thành hệ thống sinh thái



số hóa với mục tiêu xây dựng hơn 100 thành phố thông minh trong hơn hai thập niên tới của Thái Lan; giới thiệu thanh toán không dùng tiền mặt và đưa vào ứng dụng các thiết bị hoặc hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt đến năm 2020 tại Việt Nam; 10 thành phố thí điểm tại Indonesia áp dụng thẻ thông minh trong việc cung cấp các hỗ trợ và các dịch vụ xã hội tích hợp; Kuala Lumpur ký thỏa thuận với dịch vụ đám mây của Alibaba để sử dụng dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo cho hệ thống cơ sở hạ tầng máy tính đám

mây của quốc gia này, từ đó hỗ trợ hệ thống giao thông, quy hoạch thành phố... là những dự án điển hình đang được các nước ASEAN triển khai.

Giám đốc Toàn cầu phụ trách mảng kỹ thuật số của ngân hàng HSBC Danielle Walsh đánh giá, cách tiếp cận về mạng lưới thành phố thông minh của Đông Nam Á là một ý tưởng mang tính dẫn đầu trên toàn cầu. Các sáng kiến này của ASEAN sẽ có sức mạnh tổng hợp và là đòn bẩy giúp đưa khu vực tiến những bước xa hơn trong những tiến bộ liên quan đến thành phố thông minh trên toàn cầu. ASEAN đang trên đà chuyển đổi kỹ thuật số toàn diện và công nghệ hứa hẹn mang đến một cách sống mới, trải nghiệm tốt hơn cho các công dân cũng như cơ hội kinh doanh tiềm năng to lớn.

Trong khi đó, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số đang định hình lại phương thức người dân sinh sống và làm việc trong khu vực. Với dân số trẻ, khoảng 40% dưới 30 tuổi, người dân ASEAN hầu hết quen thuộc với lĩnh vực kỹ thuật số và kết nối với hệ sinh thái kỹ thuật số khu vực bằng nhiều phương tiện.



Người Hà Nội uống nước lọc từ không khí

Thời gian gần đây, nhiều người dân quanh khu vực tượng đài Lý Thái Tổ thường xuyên sử dụng nước lọc từ không khí để uống trực tiếp.

NAM YÊN

Đây là một trong hai chiếc máy lọc nước từ không khí được một công ty của Israel tặng UBND TP Hà Nội nhân dịp kỷ niệm 25 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Israel (1993 - 2018).

Theo anh Nghiêm Đình Bày, kỹ sư vận hành máy lọc nước, chiếc máy có khả năng ngưng tụ hơi nước thành nước tinh khiết phù hợp với công sở, trường học... Công ty Water-Gen đã



phát triển thiết bị với ba kích thước khác nhau tùy theo nhu cầu và phạm vi sử dụng.

Máy lọc nước từ không khí là một công nghệ tối tân đã được cấp bằng sáng chế của Israel giúp tạo ra nguồn nước uống sạch dồi dào và có khả năng tái tạo với chi phí thấp bằng cách lọc trực tiếp từ không khí. Ngoài ra, máy còn có khả năng hút ẩm, làm sạch không khí. Một ngày hoạt động, máy có thể tạo ra được 900 lít nước. Nước của máy lọc hoàn toàn đảm bảo sức khỏe cho người sử dụng khi uống

nhờ bộ xử lý lọc cặn, khoáng hóa than hoạt tính và xử lý vi sinh nhờ đèn tia UV.

Ngay cả khi điều kiện không khí bị ô nhiễm cao, máy lọc nước không khí vẫn hoạt động hiệu quả, vừa xử lý được không khí nhiễm bẩn vừa tạo ra được lượng nước sạch phục vụ nhu cầu của con người. Máy có hai chế độ cấp nước nóng và lạnh. Máy vận hành bằng điện nhưng nếu lựa chọn thêm tấm pin năng lượng mặt trời thì máy có thể tự vận hành mà giá cả lại khá phải chăng.

Tiện dụng hơn nữa, máy còn tạo được cả nước lạnh và nước bình thường, ngay cả trong những ngày nắng gay gắt. Đặc biệt hơn, máy lọc nước của Israel còn có hệ thống tưới nước được lọc từ không khí.

Tham quan tại hồ Gươm, vợ chồng bác Nguyễn Văn Ánh (Mỹ Đình, Hà Nội) qua khu vực tượng đài Lý Thái Tổ và sử dụng nước uống từ máy lọc nước. "Nước lọc uống khá ngon. Tôi khá bất ngờ vì nước được lọc từ không khí lại đảm bảo chất lượng. Nếu có nhiều loại máy như thế này sẽ góp phần giảm áp lực nước sạch cho người dân Thủ đô. Tôi rất thích vì nguồn nước thân thiện với môi trường", bác Ánh chia sẻ.

Trước đó vào tháng 3/2017, Chủ tịch UBND TP Hà Nội Nguyễn Đức Chung đã chứng kiến lễ ký kết Biên bản ghi nhớ giữa Sở Xây dựng và Công ty Water Gen (Israel) về phát triển công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực máy phát điện nước trong khí quyển tại Hà Nội. Một trong những phần quan trọng của biên bản đó là những máy sản xuất nước sạch tinh khiết từ không khí hiện đại của Israel sẽ được Hà Nội đặt mua để phục vụ người dân trong thời gian tới...

Thỏa thuận lần này nhằm thiết lập cơ sở hạ tầng về nước, chuyển giao công nghệ tiên tiến (máy phát điện nước trong khí quyển, máy thanh lọc, máy lọc nước) nhằm phục vụ người dân Thủ đô.



Theo thỏa thuận, hai bên sẽ hợp tác thiết lập hệ thống cơ sở hạ tầng về nước và một dây chuyền sản xuất các sản phẩm của Công ty Water Gen tại Hà Nội, chuyển giao công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực phát điện nước trong khí quyển (AWG), máy lọc nước, máy thanh lọc nước và xử lý nước, nhằm cung cấp nước sạch cho người dân.





Ứng phó biến đổi khí hậu đô thị và cấp địa phương

Cục Biến đổi khí hậu (Bộ Tài nguyên và Môi trường) vừa phối hợp với Chương trình định cư con người Liên Hợp Quốc (UN-Habitat) tổ chức Hội thảo Hành động ứng phó biến đổi khí hậu đô thị và cấp địa phương.

AN NHIÊN

Ông Nguyễn Quang – Giám đốc UN-Habitat tại Việt Nam chia sẻ, dân số khu vực đô thị hiện chiếm 45% trong 7,6 tỷ người trên trái đất. Tốc độ đô thị hóa nhanh đã kéo theo nhiều thách thức, trong đó có vấn đề phát thải khí nhà kính. Việc tìm các giải pháp cũng phải được thực hiện ở chính các đô thị, nơi tập trung hạ tầng hiện đại và hệ thống kết nối phát triển nhất.

Theo bà Trần Thị Lan Anh, Phó Cục trưởng Phát triển đô thị (Bộ Xây dựng) Đề án Phát triển Đô thị Việt Nam ứng phó với Biến đổi khí hậu giai đoạn 2013 – 2020 được thực hiện trước tiên đối với 35 đô thị thuộc 21 tỉnh/thành phố có nguy cơ cao. Từ đó, tiến tới triển khai với khoảng 128 đô thị ven biển, ven sông, các đô thị đồng bằng có nguy cơ ngập lụt, nước biển dâng, triều cường, mất đất, nhiễm mặn nguồn nước; và 143 đô thị miền núi, cao nguyên chịu ảnh hưởng của lũ ống, lũ quét và sạt lở đất.

Hội thảo “Hành động ứng phó biến đổi khí hậu đô thị và cấp địa phương” nằm trong khuôn khổ dự án “Tăng cường phối hợp các cấp thúc đẩy Phát triển các-bon thấp” (V-LED) và được tổ chức nhân Ngày Đô thị thế giới 31/10 với chủ đề: Xây dựng các thành phố bền vững và có khả năng chống chịu biến đổi khí hậu. Các hoạt động nhân ngày này nhằm kêu gọi cộng đồng thế giới quan tâm và thúc đẩy các giải pháp cho vấn đề đô thị hóa, tăng cường hợp tác giữa chính quyền

các quốc gia trên thế giới, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững số 11 về phát triển bền vững các đô thị.

Đại diện Tổ chức Hợp tác phát triển Đức (GIZ), ông Michael Krakowski cho rằng, để tăng cường tác động của các chiến lược bền vững, cần phải tăng cường liên kết giữa xây dựng ngân sách và chiến lược. Cụ thể là áp dụng các tiêu chí báo cáo và xây dựng ưu tiên cho các hoạt động xanh. Các tiêu chí cần được xây dựng chi tiết và dựa trên các nguyên tắc pháp lý phù hợp. Nếu không, việc áp dụng sẽ bị coi là mang tính tự phát và ít được quan tâm. Theo ông Michael, Việt Nam cần có các chương trình đào tạo, hoạt động trao đổi giữa các cấp chính quyền, để có thể áp dụng các tiêu chí một cách chính xác. Những kinh nghiệm rút ra sẽ được đưa vào quá trình xây dựng định nghĩa/nguyên tắc trên.

Trong khi đó, tại địa phương, ông Nguyễn Khắc Nhu, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cho biết, giai đoạn 2016-2020, tỉnh Vĩnh Long được Trung ương hỗ trợ thực hiện 2 dự án thuộc Chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh với tổng kinh phí 140,369 tỷ đồng. Hiện nay, các sở, ban ngành tỉnh và các chủ đầu tư đang triển khai thực



hiện các thủ tục đầu tư xây dựng theo chỉ tiêu kế hoạch được giao. Tỉnh cũng đề xuất phân bổ kinh phí tập trung cho các nhiệm vụ trọng tâm của chương trình, ưu tiên thực hiện một số nhiệm vụ tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu; một số hoạt động cập nhật và hoàn thiện các kịch bản, kế hoạch quốc gia về biến đổi khí hậu; xây dựng tài liệu, phổ biến kiến thức nhằm nâng cao



Việt Nam nói không với túi nilon, chai nhựa

Bộ Tài nguyên và Môi trường, một số tỉnh, thành phố đang đi tiên phong trong việc nói không với chai nhựa, túi nilon... nhằm góp phần bảo vệ môi trường.

HẢI ĐĂNG

Bắt đầu từ tháng 6/2018, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trương dùng bình nước kim loại, thay thế cho chai nước nhựa dùng một lần tại các cuộc hội nghị,

hội thảo. Đại diện Bộ Tài Nguyên và Môi trường khẳng định tất cả cơ quan trong Bộ đã không sử dụng chai nhựa, túi nilon khó phân huỷ trong các hoạt động hàng ngày.

Vào cuối năm 2017, một kế hoạch "Hướng đến không rác thải nhựa" được xây dựng, trong đó, cơ quan hành chính là "Công sở không rác thải nhựa". BQL Khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm là cơ quan hành chính đầu tiên triển khai. Các cơ quan khác như: Hội Phụ nữ TP.Hội An, UBND TP.Hội An, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Thành Đoàn TP.Hội An... là những đơn vị tiếp theo áp dụng nội dung của kế hoạch trên.

Tại các cuộc họp và phòng làm việc của các cơ quan hành chính TP.Hội An đã không còn sự xuất



hiện của bóng dáng các chai nhựa. Thay vào đó, trên bàn là sự hiện diện của các chai nước thủy tinh được khắc tên riêng. Mục tiêu tiếp theo của kế hoạch là thay thế các vật dụng trong văn phòng, trong các cuộc họp... bằng các sản phẩm thân thiện với môi trường.

Ngoài ra, tại Cù Lao Chàm, chính quyền vận động người dân địa phương và du khách không sử dụng túi nilon, ống hút nhựa khi đến vùng lõi Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm.

Ông Nguyễn Thế Hùng - Trưởng BQL Khu dự trữ Sinh quyển Cù Lao Chàm, Phó Chủ tịch UBND TP.Hội An cho biết, không chỉ ở các cơ quan hành chính mà ngay cả người dân Hội An, tôi rất khuyến khích áp dụng việc làm này.

"Đây là một hành động dù nhỏ mà không làm được thì nói gì đến những hành động lớn hơn. Việc thay đổi một thói quen sử dụng các sản phẩm làm từ nhựa, nilon...là rất khó. Tuy vậy, để hướng Hội An trở thành một "thành phố sinh thái" thì cần hành động. Dần thay đổi thói quen từ việc làm nhỏ nhất đến tiến tới bảo vệ môi trường một cách bền vững" - ông Hùng chia sẻ.

Mới đây, UBND TP Đà Nẵng thực hiện chiến dịch nói không với rác thải nhựa. Theo đó, TP phát động cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn không sử dụng các sản phẩm nhựa khó phân huỷ, sử dụng một lần trong hoạt động của cơ quan, đơn vị. Đồng thời, hướng các cá nhân, tổ chức thực hiện thu gom, phân loại các sản phẩm đã sử dụng làm từ nhựa, bao bì, túi nilon và vận chuyển đến nơi tái chế, xử lý theo quy định. Đẩy mạnh việc nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sản xuất; hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển các sản phẩm có thể phân huỷ, tái sử dụng, thân thiện với môi trường thay thế túi nilon, sản phẩm nhựa khó phân huỷ, sử dụng một lần.

Sở Công thương Đà Nẵng cũng tổ chức phát động hạn chế sử dụng túi nilon khó phân huỷ tại

các chợ và siêu thị trên địa bàn thành phố. Theo đó, vận động lãnh đạo các siêu thị, trung tâm thương mại, tiểu thương kinh doanh ở các chợ hạn chế sử dụng túi nilon; qua đó, vận động người thân, gia đình mang theo túi đựng, giỏ nhựa khi đi chợ, siêu thị.

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường kêu gọi toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động với tinh thần "thi đua ái quốc", yêu ngành, yêu nghề, phát huy những thế mạnh đã đạt được, nêu cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm, tích cực hưởng ứng đợt thi đua, lập thành tích hoàn thành thắng lợi mục tiêu cải thiện môi trường xanh hơn, sạch hơn và góp phần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của ngành tài nguyên và môi trường trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2016-2020) và các năm tiếp theo.

Mỗi cán bộ, công nhân viên chức và người lao động trong toàn ngành hãy hành động và vận động gia đình, người thân cùng thực hiện "Nói không với sản phẩm nhựa và túi nilon sử dụng một lần" - đó là thông điệp được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Trần Hồng Hà phát động, coi như một trong những nhiệm vụ trọng tâm của toàn ngành tài nguyên và môi trường cùng thực hiện nhằm hưởng ứng đợt vận động thi đua "Hành động để giảm thiểu ô nhiễm nhựa và nilon".



Tại Bộ Tài nguyên và Môi trường các cuộc họp sử dụng bình kim loại thay thế chai nhựa.

Australia sắp có máy bay điện vận chuyển khách thương mại đầu tiên thế giới

Mới đây, công ty hàng không MagniX của Australia vừa tuyên bố sẽ là "Tesla của lĩnh vực hàng không" với tham vọng đưa vào sử dụng phổ biến đầu tiên các loại máy bay điện cho mục đích vận chuyển thương mại thay cho máy bay dùng xăng.



MagniX của Australia tham vọng sẽ trở thành "Tesla của lĩnh vực hàng không".

LAN ANH

Theo Roei Ganzarski, CEO của công ty MagniX, xe điện hiện nay là xu hướng có thể thấy tại Australia và nhiều quốc gia khác trên thế giới. Roei Ganzarski tin rằng, công ty của ông sẽ đi đầu trong cuộc

cách mạng giao thông tiếp theo mang tên máy bay điện.

Thực tế, hiện nay đã có máy bay điện nhưng kích cỡ nhỏ và chủ yếu phục vụ cho công tác huấn luyện bay là chính. Ngay chính ông Roei Ganzarski cũng đến thăm văn phòng của mình bằng một chiếc máy bay điện thử nghiệm do công ty mình sản xuất gần đây.

CEO của MagniX nhấn mạnh: "Chúng tôi đã có thể để phát triển động cơ điện cho phép một máy bay có thể vận chuyển từ 9 - 15 hành khách trong quãng đường từ 160 đến 1.600 km mặc dù với công nghệ pin ngày nay vẫn còn có những hạn chế cho việc sử dụng trong những chuyến bay dài".

Gần đây, MagniX cũng thử nghiệm một động cơ điện được

gắn vào thân máy bay của một chiếc Cessna Caravan. Ông Ganzarski cho biết, cuộc thử nghiệm được thực hiện bên trong một không gian được thiết kế đặc biệt ở Arundel.

"Sự kiện quan trọng tiếp theo sẽ là vào mùa thu năm 2019. Chúng tôi sẽ có chuyến bay thử nghiệm đầu tiên bằng chính một chiếc máy bay sử dụng động cơ của chúng tôi phát triển", ông Roei Ganzarski tiết lộ.

Hiện tại, nhiều công ty khác trên khắp thế giới cũng đang phát triển động cơ điện nhỏ nhưng ông Ganzarski cho biết, các kỹ sư của ông đã phát triển một động cơ lớn hơn với hệ thống làm mát bằng chất lỏng tích hợp đi kèm giúp làm tăng hiệu suất của động cơ tốt hơn.

Tuy nhiên, một bài toán khác bên cạnh vấn đề công nghệ pin là vấn đề giá vé với loại máy bay điện trong tương lai. MagniX tính toán kỹ để có thể cạnh tranh với các hãng hàng không đối thủ và truyền thống.

CEO của MagniX kỳ vọng: "Khi bạn có thể bay trên một chiếc máy bay điện với giá vé thấp hơn 80% và đó là một chiếc máy bay có đủ chứng nhận cũng như giám sát chặt

chế của các cơ quan chức năng thì tại sao chúng ta không thử bay trên nó chứ?".

MagniX không phải là hãng duy nhất đang đặt tham vọng đi đầu trong thị trường máy bay điện trong tương lai. Cách đây không lâu, Boeing và Jetblue Airways tuyên bố, năm 2022 sẽ cho ra mắt loại máy bay loại nhỏ sử dụng động cơ điện, có sức chứa 12 hành khách với mức giá rẻ. Dự án mới được tài trợ bởi quỹ đầu tư mạo hiểm của Boeing và JetBlue Airways.

Ngoài ra, MagniX còn vấp phải sự cạnh tranh khác từ một

công ty có tên Zunum Aero. Công ty này cho biết máy bay của mình sẽ được trang bị 2 động cơ điện, có sức chứa 12 hành khách. Lợi thế của hãng là công nghệ pin điện và trí tuệ nhân tạo để tránh chướng ngại vật. Zunum tiết lộ sẽ sử dụng các loại pin điện của Tesla và Panasonic. Một động cơ sử dụng nhiên liệu bổ sung và một máy phát điện cũng được trang bị cho chiếc máy bay để đảm bảo nó không bị rơi ngay cả khi hết pin. Quãng đường bay được dự tính là hơn 1.000 km, tốc độ bay 550 km/h.



ƯỚC TÍNH CÔNG SUẤT NGUỒN ĐIỆN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO CẦN XÂY DỰNG ĐỂ THỰC HIỆN CAM KẾT CẮT GIẢM KHÍ NHÀ KÍNH CỦA VIỆT NAM TẠI COP21

PGS. TS. ĐẶNG ĐÌNH THỐNG

Hiệp hội Năng lượng Sạch Việt Nam (VCEA)

Tại Hội nghị thượng đỉnh Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 21 (COP21) Việt Nam cam kết vào năm 2030 sẽ cắt giảm lượng khí nhà kính là 8% của tổng lượng phát thải khí nhà kính đối với kịch bản phát triển cơ sở và có thể giảm đến 25% nếu nhận được hỗ trợ hiệu quả từ cộng đồng quốc tế.

Một trong các giải pháp quan trọng nhất để thực hiện cam kết nói trên là phát triển sử dụng các nguồn và công nghệ năng lượng tái tạo. Bài viết này cho một ước tính về công suất các nguồn điện năng lượng tái tạo cần phải xây dựng để có thể đạt được mục tiêu cắt giảm 8% lượng khí nhà kính (KNK) vào năm 2030.

1. Dự báo phát thải KNK đến 2030

Theo kết quả kiểm kê KNK trong các năm 2010, 2013 và 2014 do Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện, các nguồn phát thải và hấp thụ KNK ở Việt Nam phát sinh từ 5 lĩnh vực chính là: (1) Năng lượng; (2) Các quá trình sản xuất công nghiệp (IPPU); (3) Nông nghiệp; (4) Sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và lâm nghiệp (LULUCF) và (5) Chất thải. Trong các

lĩnh vực trên chỉ có lĩnh vực LULUCF là hấp thụ KNK, còn lại đều là các lĩnh vực phát thải KNK, trong đó năng lượng là lĩnh vực phát thải lớn nhất, chiếm tỷ lệ rất cao, trên 60% tổng lượng phát thải quốc gia (bảng 1).

Như ta thấy, lượng phát thải KNK ở Việt Nam liên tục tăng lên với tốc độ từ 4%/năm đến 5%/năm. Đặc biệt, tỷ lệ lượng phát thải KNK do lĩnh vực năng lượng tạo ra rất lớn, từ 60% năm 2014 tăng lên 63,8%, 67,4% và 72,4% so với tổng phát thải vào các năm 2020, 2025 và 2030. Vì vậy, việc cắt giảm phát thải KNK trước hết cần tập trung vào lĩnh vực năng lượng.

Về con số tuyệt đối, đến năm 2030, tổng phát thải KNK (có LULUCF) là 888,9 triệu tấn CO₂ tđ, trong đó lượng phát thải do lĩnh vực năng lượng tạo ra là 643,2 triệu tấn CO₂ tđ. Theo cam kết của Chính phủ Việt Nam tại COP21 Paris, đến năm 2030, chúng ta sẽ cắt giảm 8% lượng

phát thải so với kịch bản phát triển thông thường chỉ với nguồn lực trong nước. Điều này có nghĩa là, đến năm 2030, lượng tổng phát thải và lượng phát thải KNK đối với lĩnh vực năng lượng phải cắt giảm tương ứng là 71 triệu tấn và 51,5 triệu tấn.

2. Các giải pháp cắt giảm KNK

Các giải pháp để thực hiện cắt giảm KNK được đề ra trong các báo cáo NDC (Đóng góp do quốc gia tự quyết định) của Việt Nam bao gồm:

- 1) Nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng hay tiết kiệm năng lượng.
- 2) Tăng tỷ trọng các nguồn năng lượng tái tạo (NLTT) trong sản xuất và tiêu thụ năng lượng.
- 3) Thay đổi cơ cấu năng lượng trong công nghiệp và giao thông vận tải.

Ngoài ra, còn có các giải pháp khác

Bảng 1. Lượng phát thải (đơn vị: triệu tấn CO₂ tương đương) và tỷ lệ (%) của các lĩnh vực phát thải chính ở Việt Nam – hiện trạng và dự báo đến năm 2030

Lĩnh vực phát thải	2014		2020		2025		2030	
	Lượng PT	Tỷ lệ, %	Lượng PT	Tỷ lệ, %	Lượng PT	Tỷ lệ, %	Lượng PT	Tỷ lệ, %
Năng lượng	171,6	60,4	320,5	63,8	448,8	67,4	643,2	72,4
IPPU	38,6	13,6	83,3	16,6	101,3	15,5	127,7	14,4
Nông nghiệp	89,8	31,6	104,5	20,8	108,3	16,5	112,2	12,6
LULUCF	-37,5		-35,7		-42,2		-49,0	
Chất thải	21,5	7,6	29,4	5,9	39,4	6,0	54,8	6,2
Tổng PT (có LULUCF)	284,0		502		655,5		888,9	

Ghi chú: Tỷ lệ % so với tổng phát thải có kể đến LULUCF

(Nguồn: Báo cáo kiểm kê quốc gia KNK của Việt Nam năm 2014, Bộ TNMT 2018)



như: (i) Giảm nhẹ phát thải KNK thông qua phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp; (ii) Quản lý và phát triển rừng bền vững, tăng hấp thụ CO₂ và dịch vụ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học gắn liền với phát triển kinh tế; (iii) Quản lý chất thải.

Các giải pháp số 1) đến 3) trực tiếp liên quan đến lĩnh vực năng lượng. Dưới đây thử ước tính công suất điện NLTT cần phát triển đến năm 2030 để đáp ứng yêu cầu cắt giảm 8% KNK mà Việt Nam đã cam kết tại COP21 đối với lĩnh vực năng lượng.

3. Ước tính công suất

Bảng 2. Ước tính Tỷ phần lượng KNK và lượng điện năng tương ứng đối với các giải pháp về năng lượng để cắt giảm 8% lượng KNK vào năm 2030

	Giải pháp cắt giảm KNK	Tỷ lệ cắt giảm, %	Lượng KNK cắt giảm, triệu tấn CO ₂ tđ.	Lượng điện năng tương ứng, MWh
(1)	Giải pháp tiết kiệm năng lượng	15	7,725	12.459.677
(2)	Thay đổi cơ cấu năng lượng trong công nghiệp và giao thông vận tải	5	2,575	4.153.226
(3)	Sử dụng các nguồn NLTT	80	41,2	66.451.613
	Tổng	100	51,5	83.064.516

NLTT cần lắp đặt

3.1. Cơ sở ước tính

Như đã nói ở trên, để cắt giảm 8% lượng KNK của lĩnh vực năng lượng vào năm 2030 thì cần phải cắt giảm 51,5 triệu tấn CO₂ tương đương.

Ta giả thiết rằng, để cắt giảm lượng phát thải KNK này, cần sử dụng đồng thời 3 giải pháp về năng lượng. Tùy thuộc vào đặc điểm, khả năng của mỗi giải pháp mà sự đóng góp tiềm năng cắt giảm KNK của chúng khác nhau. Trên cơ sở phân tích khả năng thực tế của từng giải pháp, chúng tôi đề nghị tỷ trọng cắt giảm KNK của các giải pháp

năng lượng như sau:

(1) Giải pháp tiết kiệm năng lượng đóng góp cắt giảm 15% lượng KNK, tương ứng cắt giảm 4,12 triệu tấn CO₂ tđ trong tổng số 51,5 triệu tấn CO₂ tđ đối với lĩnh vực năng lượng;

(2) Giải pháp thay đổi cơ cấu năng lượng trong công nghiệp và giao thông vận tải: cắt giảm 5%, tương ứng cắt giảm 2,575 triệu tấn CO₂ tđ;

(3) Giải pháp sử dụng các nguồn NLTT: cắt giảm 80%, tương ứng cắt giảm 41,2 triệu tấn CO₂ tđ ;

Với Hệ số phát thải CO₂ trung bình K = 0,62kg CO₂/kWh, có thể tính được lượng điện năng từ các công nghệ NLTT cần được sản xuất ra trong năm 2030 để cắt giảm được các lượng KNK nói trên.

3.2. Ước tính công suất NLTT phải lắp đặt năm 2030

Như thấy trên bảng 2, tổng điện năng các nguồn điện NLTT cần sản xuất trong năm 2030 phải là 66.451.613 MWh hay khoảng 66,452 tỷ kWh.

Đối với các nguồn và công nghệ NLTT, với điều kiện Việt Nam, vào năm 2030, các nguồn và công nghệ

Bảng 3. Ước tính công suất các công nghệ NLTT cần lắp đặt đến năm 2030

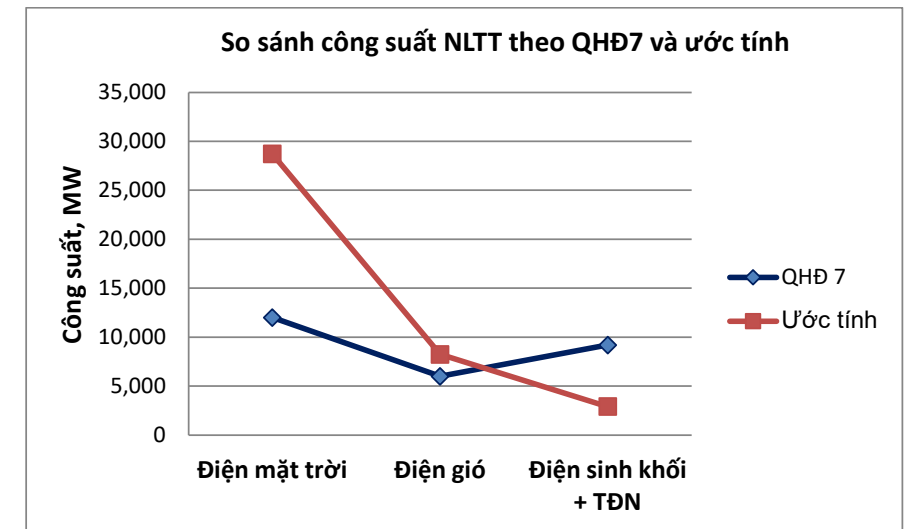
	Nguồn và công nghệ	Tỷ lệ cắt giảm KNK, %	Lượng điện năng sản xuất, MWh	Hệ số công suất trung bình, %	Số giờ vận hành đầy công suất, h	Công suất phải lắp đặt, MW
1	Điện mặt trời (PV)	52,0	34.554.839	14	1.226,4	28.176
2	Điện gió	25,0	16.612.901	23	2.014,8	8.245
3	Điện sinh khối, Thủy điện nhỏ	23,0	15.283.871	60	5.256	2.908
	Tổng	100	66.451.613			39.329

NLTT có thể tham gia vào sản xuất điện năng sẽ gồm: điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối và thủy điện nhỏ. Dựa trên tiềm năng thực tế ở Việt Nam, tính kinh tế của các công nghệ NLTT hiện nay, cơ cấu các loại nguồn điện NLTT nói trên được kiến nghị như sau: (1) Điện mặt trời: 52% ; (2) Điện gió: 25% và (3) Thủy điện nhỏ và điện sinh khối: 23% (bảng 3). Mỗi loại công nghệ này lại có hệ số công suất riêng, phụ

thuộc vào tiềm năng nguồn NLTT tương ứng, loại công nghệ và đặc điểm tự nhiên ở Việt Nam, như được cho trong bảng 3.

Từ các số liệu này ta có thể tính ra lượng điện năng các loại nguồn NLTT phải sản xuất ra (MWh), số giờ vận hành đầy công suất hàng năm và do đó tính được công suất các loại nguồn cần lắp đặt và vận hành đến năm 2030 (bảng 3).

Theo đó, đến năm 2030, tổng



Hình 1. So sánh kết quả ước tính và các chỉ tiêu của Quy hoạch điện VII về Công suất các nguồn điện NLTT năm 2030

công suất các nguồn điện NLTT cần lắp đặt, vận hành là 39.329 MW, trong đó Điện mặt trời: 28.176 MW; Điện gió: 8.245 MW và Thủy điện nhỏ và Điện sinh khối là 2.908 MW.

3.3. So sánh với các chỉ tiêu của Quy hoạch phát triển Điện VII (Quy hoạch phát triển điện lực giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030).

Theo Quy hoạch điện VII thì đến năm 2030, tổng công suất Điện mặt trời, Điện gió và Thủy điện nhỏ, điện sinh khối là 27.195 MW, trong đó: Điện mặt trời: 12.000 MW; Điện gió: 6.000 MW và Thủy điện + điện sinh khối là 9.195 MW.

Như vậy, tổng công suất ước tính trong bài viết này lớn hơn tổng công suất của Quy hoạch điện VII là

12.134 MW. Sự chênh lệch đối với từng loại công nghệ NLTT được cho trên hình 1, trong đó, công suất điện mặt trời và điện gió vào năm 2030 theo ước tính lớn hơn 2,3 lần và 1,4 lần so với các chỉ tiêu tương ứng của Quy hoạch điện VII. Riêng đối với điện sinh khối và thủy điện nhỏ, kết quả ước tính thấp hơn chỉ tiêu của Quy hoạch điện VII là 6.287 MW.

Mặc dù chỉ là ước tính, tuy nhiên sự ước tính này dựa trên các cơ sở thực tế về tiềm năng các nguồn NLTT, về sự tiến bộ của các công nghệ NLTT và có tính đến sự dịch chuyển kinh tế, xã hội... của nước ta, nên chúng tôi cho rằng các kết quả ước tính là khá tin cậy và khách quan, là các kết quả nên nghiêm túc tham khảo.

4. Kết luận

Kết quả ước tính cho thấy, để đạt được mục tiêu cắt giảm tối thiểu 8% lượng KNK đến năm 2030 như cam kết của Chính phủ Việt Nam trước cộng đồng quốc tế thì riêng về lĩnh vực năng lượng, cần phải đầu tư phát triển mạnh hơn các nguồn điện NLTT, đặc biệt là nguồn điện mặt trời, so với các chỉ tiêu đã được đề ra theo Quy hoạch phát triển điện VII. Nói riêng, trong quá trình nghiên cứu xây dựng Quy hoạch phát triển điện VIII cần nâng các chỉ tiêu nguồn điện NLTT nói chung và điện mặt trời nói riêng, nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách về cắt giảm KNK, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực của các hiện tượng biến đổi khí hậu.



Mái nhà cổ Hà Nội

— NHÀ VĂN MAI THỰC

Với mỗi người Việt Nam hôm nay, Thăng Long – Hà Nội vẫn còn bí ẩn và quyến rũ bởi những chứng tích lịch sử, những dấu ấn về con người qua truyền thuyết huyền thoại, di tích lịch sử, những khu phố cổ, tường thành xưa, đường phố cũ...

N hưng có lẽ cái còn ghi được dấu ấn lịch sử nhiều nhất, rõ nhất, sinh động nhất, trực tiếp đó là kiến trúc đô thị. Kiến trúc cổ Hà Nội gợi lên một nền văn minh tinh thần, một nếp sống văn hóa gia đình trong những đường nét ấm nóng hơi thở của nhiều thế hệ.

Khu phố cổ Hà Nội được gọi bằng một cái tên rất thân thương là "Hà Nội băm sáu phố phường". Ở đây mỗi tên phố tên nhà đều gợi bóng dáng kinh thành xưa với những phường

thợ làm ăn tấp nập: Hàng Đào, Hàng Lược, Hàng Gai, Hàng Thiếc, Hàng Hòm, Hàng Bạc... Mỗi cái tên đều minh chứng cho trí tuệ, tài năng của cha ông ngàn năm văn hiến: Hùng Vương, Bà Triệu, Ngô Quyền, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát... Tất cả hợp lại thành tinh hoa của Thăng Long – Đông Đô – Hà Nội, mà cái tên "Hà Nội băm sáu phố phường" gợi nhớ ngàn năm, để cho từng thời khắc lịch sử, người Việt Nam có dịp dừng chân, tàn bộ mà suy nghĩ về đất nước, con người. Sau những lo toan tất



bật thường ngày, tôi lang thang đi tìm về tổ tiên quanh "Hà Nội băm sáu phố phường". Mỗi lần tìm như vậy, tôi nghe mơ hồ một tiếng nói mỏng manh. Nhưng đó là tiếng nói của tâm linh nôi giống mà tôi may mắn bắt gặp. Nó thiêng liêng và có sức mạnh hơn những tiếng ồn ã ở đời.

Một sớm cuối thu, nắng thu vàng óng ngọt ngào tỏa sáng "Hà Nội băm sáu phố phường" như muốn đền trả con người sau những cơn giông bão mùa hè, soi bước chân tôi vào ngôi nhà cổ 13 Hàng Đào. Nhà nghiên cứu xã hội học, Giáo sư Chu Khắc Thuật, chủ ngôi nhà, dẫn tôi qua cầu thang ọp ẹp nhưng ấm áp tình người. Trong căn phòng nhỏ trên tầng hai hiện ra một không gian cổ xưa, tĩnh lặng với vẻ kín đáo của cánh cửa vòm nơi gác đường, với những đường nét hoa văn tinh tế của kiến trúc Pháp thế kỷ XIX. Chỉ cách có một tầng nhà mà tiếng

ồn ã của phố phường bán mua, chật hẹp đã lùi xa, nhường chỗ cho sự suy tư, sáng tạo im lìm, cực nhọc của một nhà khoa học với những công trình nghiên cứu đầy nhanh tiến bộ của đất nước.

Trong giây lát, tôi cảm nhận được giá trị của phong cách kiến trúc nhà ở độc đáo của một Hà Nội cổ. Đó là kiểu nhà ống, một phong cách đặc sắc chỉ có đô thị cổ Việt Nam mới có. Vì diện tích bề rộng nhỏ ra mặt phố hẹp nên ông cha ta tận dụng bề dài sâu vào trong, sáng tạo một kiểu nhà ở thích hợp, có nơi bán hàng, kho để hàng, nơi sản xuất hàng, nơi ở, nơi thờ phụng, nơi sinh hoạt cá nhân hết sức khoa học. Nhà càng dài càng tạo ra nhiều lớp sử dụng, bên trong có khoảng sân vườn. Sân vườn chỉ chiếm một khoảng nhỏ, nhưng là nơi đưa thiên nhiên luôn lách vào trong từng gia đình, được người xưa quan tâm đặc biệt. Nó làm cho ngôi nhà thông thoáng, sáng sủa, có nắng ấm,

gió trời. Nơi đây hiện lên một khoảng trời riêng của gia đình với cây cau, giàn bầu, giếng nước, hòn non bộ, cây cảnh, chậu cá, lồng chim... tách khỏi mặt phố náo động, giúp thần kinh con người thư giãn, tĩnh lại. Nhưng tháng năm qua đi, giờ đây con cháu mới giật mình xót xa vì đã không giữ được mái nhà Việt Nam cổ xưa.

Anh Thuật kể: "Phần lớn những ông chủ thật của ngôi nhà bây giờ xiêu bạt xa xôi. Nhưng ngôi nhà của họ chuyển sang Nhà nước quản lý cho thuê. Những người thuê nhà vì nghèo, không có tiền sang sửa nên dấu ấn tinh hoa đã bị mối mọt, thay vào đó là bê tông cốt sắt. Số người có tiền thì tùy tiện xây cất ồn ào, mất hết vẻ đẹp thâm kín cổ xưa".

Sổ sách ghi còn ngôi nhà 32 Hàng Đào từ thời Lê. Nhưng khi tôi đến đó, cụ chủ nói: "Ngôi nhà lâu năm bị đột nát chúng tôi phải chữa lại để ở, có còn gì dấu vết của thời Lê đâu". Và còn bao



nhiều ngôi nhà khác của “Hà Nội băm sáu phố phường” đang méo mó, đột nát, bị sửa chữa tùy tiện hay phá đi xây dựng lớn? Nghênh ngang hơn, tại phố cổ Hàng Đào ngàn năm văn hiến chỉ có loại nhà ống, nhô thêm tầng hai, nay sừng sững mọc lên những khách sạn bốn tầng chất ngất như muốn che lấp Hồ Gươm. Những kiểu kiến trúc hám lợi này đang phá vỡ không gian phố cổ từng

ngày, từng giờ. Những dáng nét cổ kính của “Hà Nội băm sáu phố phường” đang mờ nhạt, dần tới nguy cơ bị xóa sổ, làm cho những người Việt Nam yêu văn hóa dân tộc, yêu nòi giống xót xa. Biết bao tiếng kêu cứu, những giữ gìn phố cổ như thế nào đây?

Trước hết, nếu Nhà nước không có tiền để “bảo tồn phố cổ” thì hãy giữ lấy một “mái nhà cổ Việt Nam” tiêu biểu để gợi về

ký ức phố phường. Ở phố cổ Hội An, chúng ta giữ được những ngôi nhà cổ kiểu Nhật Bản hay Trung Quốc. Ngôi nhà cổ thuần chất Việt Nam của phố cổ Hà Nội có mái ngói lô xô, có vườn cây, giếng nước, ban thờ, có khoảng mây trời kéo không gian gần lại, có vẻ đẹp thâm kín, giàu chất trữ tình chứa trong lòng nó cả nghìn năm văn hiến. Đó là một chứng minh rõ nét nhất về mối quan hệ giữa đô thị và nông thôn. Phần lớn phường thợ các phố đều từ nông thôn sản xuất hàng của làng mình, bán buôn tại chỗ. Mọi người dân vẫn thuộc về làng quê mình và tạo nên một vùng buôn bán sầm uất ở các phố.

Chính họ đã tạo ra “mái nhà Việt Nam” kết tinh của làng quê, đất nước, giống nòi. Xin hãy giữ lấy một “mái nhà cổ Việt Nam” giữa lòng thủ đô Hà Nội làm vật thiêng liêng về văn hóa gia đình cho các thế hệ hôm nay và mai sau.



Since 1974

CÔNG TY CỔ PHẦN

KHÓA VIỆT - TIẾP

Niềm tin của mọi nhà



CÔNG TY CỔ PHẦN KHÓA VIỆT-TIỆP

Địa chỉ: Thị trấn Đông Anh - Hà Nội - Việt Nam | Điện thoại: 04.3883.2442 | Fax: 04.3882.1413
Website: www.khoaviettiep.com.vn | Email: info@khoaviettiep.com.vn

Văn phòng giao dịch và bán sản phẩm tại Hà Nội

Địa chỉ 1: Số 7 phố Thuốc Bắc - Q. Hoàn Kiếm - Hà Nội | Tel: 04.3825.1987
Địa chỉ 2: Số 37 phố Hàng Điều - Q. Hoàn Kiếm - Hà Nội | Tel: 04.3826.6191

Chi nhánh tại Thành phố Đà Nẵng

Số 2, Đường Xuân Thủy, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng
Tel: 0511.362.9919 | Fax: 0511.362.9191
Email: tpdanang@khoaviettiep.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Số nhà 157 - 159 Đường Song Hành, P. 10, Q. 6, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 08.6293.1773 | Fax: 08.3755.3671
Email: tphochiminh@khoaviettiep.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Buôn Ma Thuột

191 Trần Phú, P. Thành Công, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Tel: 05002.490688 | Fax: 05002.490699
Email: tpbuonmathuot@khoaviettiep.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Cần Thơ

Số 38, Đường 3/2, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Tel: 0710.625.3510 | Fax: 0710.625.3512
Email: tpcantho@khoaviettiep.com.vn





TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM
FUELLING VALUES TO LIFE



Toà nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Phước Kiến, Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3781 6777 | Fax: (84-28) 3781 5666 | Email: pvgas@pvgas.com.vn | Website: <http://www.pvgas.com.vn>